慧啓文集

HUỆ KHẢI

NGÔ VĂN CHIÊU NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN

NXB TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN

HUỆ KHẢI

NGÔ VĂN CHIÊU NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN

NGÔ VĂN CHIÊU
THE FIRST CAODAI DISCIPLE

NXB TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

NGÔ VĂN CHIÊU
NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN
NGÔ VĂN CHIÊU – THE FIRST CAODAI DISCIPLE

NXB TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN – 2008

www.tamgiaodongnguyen.com

HUỆ KHẢI Lê Anh Dũng giữ bản quyền
© All rights reserved - 2008

Bìa / Cover: **LÊ ANH HUY**

Bìa lưng / Back cover: ***Huệ Khải văn tập***

Thư pháp / Calligraphy: **TRƯƠNG LỘ 張路**

Mục lục / Contents

NGÔ VĂN CHIÊU
NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN
Trang / Page **5**

PHỤ LỤC
Trang / Page **37**

THÁNH GIÁO ĐỨC NGÔ MINH CHIÊU
Trang / Page **41**

MINH HỌA / ILLUSTRATIONS
Trang / Page **54**

NGÔ VĂN CHIÊU
THE FIRST CAODAI DISCIPLE
Trang / Page **61**

THƯ TỊCH / BIBLIOGRAPHY
Trang / Page **95**

Tri ân

Bản thảo của tiểu sử này được phát triển từ hai chương II và III trong quyển sách của tôi: *Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn 1920-1926* (Huế: Nxb Thuận hóa, 1996).

Tôi mang ơn các môn sanh Chiếu Minh đã xuất bản quyển *Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu* (Sài Gòn: 1962), nhờ đó tôi có được dữ liệu khả tín về vị đệ tử Cao Đài đầu tiên.

Tôi biết ơn Cơ quan Phổ thông Giáo lý Đại đạo đã ấn hành *Lịch sử đạo Cao Đài* (quyển 1, Hà Nội: Nxb Tôn giáo, 2005) vì cuốn sách thật sự cống hiến nhiều dữ kiện lịch sử trước đây chưa từng công bố.

Tôi xin bày tỏ lòng cảm kích sâu sắc đối với hiền huynh **Lê Quang Minh** kính mến vì đã hết lòng và thận trọng nhuận sắc bản tiếng Anh do tôi chuyển ngữ, nhờ thế tôi có thể an tâm ấn hành.

Đây là món quà của cha tôi, **Thiện Tâm Lê Ngọc Lưu (Minh Lưu)**, môn sanh Chiếu Minh. Thay mặt thân phụ, tôi trân trọng kính gởi tập tiểu sử song ngữ này đến quý bạn đọc.

Phật đản 2008

Huệ Khải

NGÔ VĂN CHIÊU
NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN

Năm 1920 (Canh Thân) Đức Cao Đài khởi sự hóa độ các tông đồ, lập nên hàng môn đệ tiền phong, khai sơn phá thạch, mở ra một tôn giáo mới tại Việt Nam. Thời kỳ hóa độ các tông đồ diễn tiến trong khoảng sáu năm (1920-1926), gồm hai giai đoạn:

- Năm 1920 (Canh Thân), Đức Cao Đài trước tiên chọn tiền bối Ngô Văn Chiêu, người sẽ xây dựng nền tảng vô vi hay nội giáo tâm truyền (esotericism).

- Năm 1925 (Ất Sửu), Đức Cao Đài hóa độ nhóm Cao-Phạm, về sau gọi là nhóm phổ độ, những vị sẽ xây dựng nền tảng phổ độ hay ngoại giáo công truyền (exotericism).

I. THÂN THẾ TIỀN BỐI NGÔ VĂN CHIÊU (1878-1932)

Môn đồ đầu tiên của Đức Cao Đài là tiền bối Ngô Văn Chiêu, thường được biết qua đạo hiệu Ngô Minh Chiêu.

1. Thời thơ ấu

Tiền bối Ngô Văn Chiêu là con duy nhất của một gia đình lao động thanh bạch. Thân phụ là ông Ngô Văn Xuân. Thân mẫu là bà Lâm Thị Quý (1858-1919), cũng gọi Lâm Thị Tiền, người quận Bình Tây, tỉnh Chợ Lớn. Song thân tiền bối cùng làm công cho một nhà máy xay lúa ở Bình Tây.

Tiền bối sinh tại quê mẹ, ngày 07-01 Mậu Dần (thứ Sáu 08-02-1878, nhưng trên giấy căn cước ghi ngày 28-02-1878).

Tiền bối chào đời trong một mái nhà nhỏ, chung quanh đầy sình lầy, nằm phía sau chùa Quan đế, tục gọi chùa Ông, cất năm 1873 (Quý Dậu), ở số 1, đường Chùa, sau đổi là số 242 đường Lê Quang Liêm, hiện nay là đình Bình An, số 242 đường Trần Văn Kiểu, phường 3, quận 6.

Khi được sáu tuổi, vì song thân ra Hà Nội mưu sinh, tiền bối được đưa về làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho, sống với bà Ngô Thị Đây, em độc nhất của thân phụ tiền bối. Chú Phu (chồng bà Đây) là Hoa kiều, bán thuốc bắc và cây ván. Hai ông bà không con, sẵn lòng nuôi cháu, cho đi học năm cháu lên mười.

Năm mười hai tuổi, nhờ sự giúp đỡ của đốc phủ sứ Lê Công Xũng (1853-1920), công chức Tòa Bố tỉnh Mỹ Tho (Inspection de Mỹ Tho), tiền bối làm đơn xin học nội trú collège le Myre de Vilers. Trường này nguyên là collège de Mỹ Tho thành lập ngày 17-01-1879, đến ngày 14-6-1881 thì đổi tên thành collège le Myre de Vilers. Từ năm 1953 đổi tên thành trung học Nguyễn Đình Chiểu cho tới nay.[1]

Về sau, tiền bối lên Sài Gòn, học tiếp ở collège Chasseloup-Laubat. Trường này thành lập ngày 14-11-1874, lần lượt đổi tên là lycée Chasseloup-Laubat (1928), lycée Jean Jacques Rousseau (1958), và sau cùng là trường trung học Lê Quý Đôn (1966 cho tới nay).[2]

Năm hai mươi mốt tuổi, tiền bối đậu bằng thành chung (diplôme d'études primaires supérieures), và bắt đầu

[1] Xem Phụ lục 1, tr. 37.
[2] Xem Phụ lục 2, tr. 37.

quãng đời công chức từ năm 1899.

Nghiên cứu tiểu sử tiền bối Ngô Văn Chiêu, Giáo sư Ralph Bernard Smith (trường Nghiên cứu phương Đông và châu Phi, Viện đại học London) nhận xét: "*Ảnh hưởng văn hóa và tín ngưỡng Việt Nam tất yếu đã tác động đến đời sống của ông nhiều hơn là vốn Tây học*." [3]

2. Đời công chức (1899-1931)

Có thể tóm tắt đời công chức của tiền bối Ngô Văn Chiêu qua niên biểu sau:

23-3-1899: Làm thư ký tập sự (élève secrétaire) tại Sở Tân đáo (Service de l'Immigration) ở Sài Gòn, mức lương 200 đồng.[4]

14-7-1901: Thăng lên ngạch phó thư ký hạng ba (secrétaire auxiliaire de 3e classe) tại Sở Tân đáo, mức lương 250 đồng. (Phó thư ký có ba hạng.)

01-01-1903: Sang làm việc ở Phủ Thống đốc Nam Kỳ, thời Thống đốc François Pierre Rodier. Khi tiền bối Ngô Văn Chiêu rời khỏi Phủ Thống đốc (tháng 4-1909) thì Quyền Thống đốc Nam Kỳ là Ernest Antoine Outrey.[5]

14-7-1904: Thăng lên ngạch phó thư ký hạng nhì (secrétaire auxiliaire de 2e classe) tại Phủ Thống đốc Nam Kỳ, mức lương 300 đồng.

14-7-1908: Thăng lên ngạch phó thư ký hạng nhất (secrétaire auxiliaire de 1er classe) tại Phủ Thống đốc Nam Kỳ, mức lương 480 đồng.

[3] R.B. Smith, *"An introduction to Caodaism", BSOAS.* University of London, Vol. XXXIII, Part 2, 1970, p. 338.

[4] *Tân đáo* 新到: mới đến. Sở Tân đáo là sở quản lý những người vừa nhập cảnh, ngày nay gọi là sở di trú, sở quản lý nhập cảnh.

[5] Xem Phụ lục 3, tr. 38.

01-5-1909: Làm thư ký Tòa Bố tỉnh Tân An (Inspection de Tân An). Có rước mẹ theo để phụng dưỡng.

14-7-1910: Thăng lên ngạch chánh thư ký hạng ba (secrétaire titulaire de 3e classe) tại Tòa Bố tỉnh Tân An, mức lương 540 đồng. (Cũng như phó thư ký, ngạch chánh thư ký có ba hạng.)

01-01-1913: Thăng lên ngạch chánh thư ký hạng nhì (secrétaire titulaire de 2e classe) tại Tòa Bố tỉnh Tân An, mức lương 600 đồng.

01-01-1916: Thăng lên ngạch chánh thư ký hạng nhất (secrétaire titulaire de 1er classe) tại Tòa Bố tỉnh Tân An, mức lương 660 đồng. Còn ba năm nữa sẽ thăng lên ngạch thư ký ngoại hạng hay thượng hạng (secrétaire surnuméraire), nhưng tiền bối đã thi chuyển sang ngạch tri huyện.

01-01-1917: Thi đậu ngạch tri huyện hạng nhì (huyện de 2e classe), vẫn làm việc tại Tòa Bố tỉnh Tân An. (Tri huyện có hai hạng.) [6]

15-11-1919: Thân mẫu từ trần.

01-3-1920: Chuyển đi làm việc ở tỉnh Hà Tiên sau khi mãn tuần bá nhật (một trăm ngày) của thân mẫu.

14-7-1920: Thăng lên ngạch tri huyện hạng nhất (huyện de 1er classe), mức lương khoảng 1.222 đồng.

[6] *"Những năm khoảng trước 1925, trường cao đẳng dạy luật và hành chánh ở Hà Nội (école supérieure de droit et d'administration) chưa đào tạo và cung cấp đủ người dùng, thì chức huyện cũng được tuyển chọn trong hàng thơ ký soái phủ* [Phủ Thống đốc Nam Kỳ] *lâu năm, nhưng bắt buộc những người này phải qua hai kỳ thi đổ lửa."* Đó là (a) examen de culture générale, khảo về học lực phổ thông; (b) concours professionnel, khảo về chuyên nghiệp và khả năng. (Vương Hồng Sển, *Hơn nửa đời hư*. Nxb Tp.[SÀI GÒN], 1992, tr. 234.)

26-10-1920: Đi làm chủ quận Phú Quốc.

01-01-1924: Thăng lên ngạch tri phủ hạng nhì (phủ de 2e classe), mức lương 1.672 đồng. (Cũng như tri huyện, ngạch tri phủ có hai hạng. Tri phủ thấp hơn ngạch đốc phủ sứ.)

29-7-1924: Rời quận Phú Quốc về Sài Gòn. Trở lại làm việc ở Phủ Thống đốc, thời Thống đốc Auguste Tholance, và công tác ở phòng nhì (2e bureau).

Phủ Thống đốc có bốn phòng (tài liệu năm 1888). Riêng phòng nhì phụ trách việc thương mại, có nhiệm vụ: *"Chuyên về công việc cầu đường, nhà cửa, cùng các sở coi việc. Chịu giấy làm giá cả. Giấy hiệp đồng, lãnh biện vật hạng cùng công việc làm. Suy tính, làm giấy lãnh tiền về đồ dùng cùng công việc làm. Các kho dự trữ, cấp phát vật hạng. Đồ dùng xưa cùng đồ công nhu cho các phòng. Việc đường sá. Phân đường lộ, lấy mực cất nhà, mực đường. Xét dọn bộ sổ vật hạng, cùng bộ sổ công việc làm."* [7]

Như vậy, tiền bối Ngô Văn Chiêu chỉ là công chức hành chánh (dân sự). Có sách ngộ nhận rằng phòng nhì ở Phủ Thống đốc là cơ quan mật vụ, gồm các "lính kín", là một nơi chuyên bắt bớ, điều tra, tra tấn... của thực dân Pháp, tức là service de la sûreté mà thời xưa người Việt gọi là sở liêm phỏng hay sở liêm phóng.[8] (Thực ra, phòng nhì là cơ quan bên quân đội, chuyên báo cáo cho bộ chỉ huy biết tình hình và khả năng hoạt động của quân địch, chịu trách nhiệm về các hoạt động tình báo và chiến tranh tâm lý, thu nhặt tin tức tình báo, nghiên cứu các hoạt động của nghĩa binh và quân du kích, v.v.).

[7] Paulus Của, *Sách quan chế*, 1888, tr. 13.

[8] Nguyễn Đình Diễn, *Từ điển Công giáo Anh-Việt*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo, 2002, "Caodaism", tr. 103.

01-7-1926: Thăng lên ngạch tri phủ hạng nhất (phủ de 1er classe), mức lương 1.933 đồng. Cao hơn ngạch tri phủ là đốc phủ sứ, thường gọi tắt là đốc phủ.[9]

Tháng 12-1931: Về tỉnh Cần Thơ dưỡng bịnh, nghỉ việc hẳn và rời khỏi Phủ Thống đốc. Bấy giờ Eugène Henri Eutrope đang làm quyền thống đốc Nam Kỳ lần thứ hai trong lúc Thống đốc Jean Félix Krautheimer vắng mặt.[10]

Các sách thường không ghi rõ ngày tiền bối Ngô Văn Chiêu nghỉ việc. Nhưng có thể xác định là không thể sớm hơn tháng 12-1931, bởi lẽ theo hồi ký của Vương Hồng Sển, để thi lên ngạch tri huyện, ông Sển đã thi kỳ concours professionnel ngày 01-12-1931, mà chủ khảo là Estèbe, tham biện chủ tỉnh Tân An, và giám thị kỳ thi viết là tiền bối Ngô Văn Chiêu.[11]

Dưới thời thuộc địa, tuy được người dân trong xã hội kính trọng gọi là "quan", nhưng tiền bối Ngô Văn Chiêu chẳng lấy thế làm vinh. Xuất thân từ chỗ hàn vi, tiền bối sẵn có lòng lân tuất đối với kẻ nghèo khổ chung quanh, không lấy địa vị xã hội làm phương tiện vơ vét đồng bào.

Để giữ đức thanh liêm, dưỡng lòng chánh trực, tiền bối luôn khép mình vào nguyên tắc *Nhứt hào vô phạm* (không phải là tiền của mình thì dù chỉ là một hào cũng không chiếm đoạt). Cái mà đời gọi là "quan huyện, quan phủ",

[9] Về các ngạch thư ký, tri huyện, tri phủ và đốc phủ sứ, xem: Paulus Của, *Sách quan chế*, 1888, tr. 15.

Về các kỳ thi thăng trật và mức lương của tiền bối Ngô Văn Chiêu, xem: Cơ quan Phổ thông Giáo lý Đại đạo, *Lịch sử đạo Cao Đài*. Quyển 1, Nxb Tôn giáo, 2005, tr. 352. Riêng mức lương ngạch tri huyện hạng nhì (1917) và hạng nhất (1920) thì không đọc được rõ con số trên ảnh chụp minh họa.

[10] Xem Phụ lục 4, tr. 39.

[11] Vương Hồng Sển, *Hơn nửa đời hư*, 1992, tr. 240.

tiền bối coi như một nghề nghiệp, để mưu sinh qua ngày. Trong câu chuyện với bạn, có lần tiền bối nói: "*la bolée de riz administrative"* – chén cơm hành chánh.[12] Mấy chữ tiếng Pháp vắn tắt ấy đã phản ánh phần nào thái độ của tiền bối đối với nghề nghiệp, không bận lòng với mồi phú quý, bả vinh hoa, mặc dù tiền bối có sẵn hoàn cảnh để thụ hưởng.

Tiền bối chọn một nếp sống kín đáo, dè dặt, không để dính líu vào các vụ chính trị cũng như không để chính quyền thuộc địa lợi dụng mà đi ngược lại với lợi ích đồng bào. Làm thư ký ở Sài Gòn, đồng lương không đủ phụng dưỡng cha mẹ, nuôi thân và cả gia đình, ban đêm tiền bối phải dạy kèm tiếng Pháp cho người Hoa; người bạn đời của tiền bối lãnh nấu cơm tháng cho một số thư ký đồng sở với chồng.

Những năm làm chủ quận, tiền bối chăm việc hành chánh, thường hay nâng đỡ người dân bần hàn cơ khổ, đặc biệt là mấy người nghèo vì nghịch cảnh nên vướng vòng tù tội. Tiền bối càng được lòng dân địa phương thì chính quyền thuộc địa càng không hài lòng, càng để tâm ngờ vực. Đó cũng là lý do khiến cho trong phúc trình "*Le Caodaïsme*" (Tây Ninh, 01-01-1932), thanh tra Lalaurette chẳng ngần ngại chỉ trích tiền bối Ngô Văn Chiêu không biết tận tụy với chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ. Việc liên tiếp thuyên chuyển tiền bối đi những nơi xa xôi như Hà Tiên và Phú Quốc, có lẽ cũng là biện pháp hành chánh để trị một công chức mà Pháp không hài lòng, vì không ép buộc được người ấy trở thành tay sai của thực dân.

3. Gia cảnh

Đang làm thư ký ở Sài Gòn (khoảng năm 1903), tiền bối Ngô Văn Chiêu được đốc phủ sứ Lê Công Xũng yêu mến, muốn chọn làm khách đông sàng, cho dù gia thế hai nhà chênh lệch quá nhiều. Theo lời khuyên của cô là bà Ngô Thị Đây, tiền bối khéo léo từ tạ. Về sau tiền bối kết hôn với một thiếu nữ mồ côi, tên là Bùi Thị Thân (1879-1955), người làng Thạnh Trị (Mỹ Tho), đảm đang, đức hạnh, buôn bán nhỏ tại chợ Mỹ Tho. Những năm tiền bối bị thuyên chuyển đi các nơi, bà thường xuyên sống xa chồng, thay chồng nuôi dạy con cái chu đáo.

Bà sinh chín lần. Hai người con gái đầu là Ngô Thị Ngữ (chào đời tại Mỹ Tho, được năm ngày thì mất), và Ngô Thị Hồng (sinh và mất tại Sài Gòn năm ba tuổi). Bảy người con kế tiếp đều sanh tại Tân An, lần lượt là hai gái: Ngô Thị Yến Ngọc, tức Lợi (sinh năm 1904), Ngô Thị Nguyệt (sinh ngày 27-5-1906); và năm trai: Ngô Văn Nhựt (sinh ngày 10-9-1908), Ngô Văn Tinh (sinh ngày 20-11-1910), Ngô Tường Vân (sinh ngày 01-9-1913), Ngô Thanh Phong (sinh ngày 15-11-1915), Ngô Khai Minh (sinh ngày 09-9-1920).

Tiền bối không giàu, đông con, nhưng được yên tâm tu hành, không bị cảnh thê thằng tử phược khảo đảo, dĩ nhiên nhờ có công lao giúp đỡ của bà, tuy thầm lặng, nhưng không phải nhỏ. Bà tạ thế ngày 30-12-1955 tại Tân An.

Năm 1909 (Kỷ Dậu), đổi về tỉnh Tân An, tiền bối mướn nhà ở bờ sông, gần chùa Quan thánh. Bấy giờ chỉ có thân mẫu về ở chung, thân phụ sống tại Sài Gòn với thứ thất.[13]

[12] Đồng Tân, *Lịch sử Cao Đài.* Quyển I. Sài Gòn, 1967, tr. 129.

[13] *Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu*. Sài Gòn: 1962, tr. 15.
Ngày 04-9-1946 hương chức làng Lợi Bình Nhơn, tổng Hưng Long, tỉnh Tân An có chứng thực ông Ngô Văn Xuân chết tại làng này, nhưng không có sổ khai tử tại làng. (Cơ quan Phổ thông Giáo lý, *Lịch sử đạo Cao Đài*. Quyển 1, tr. 53, cước chú 15.)

Sau này tiền bối mua một căn nhà lá ở Tân An, giá sáu mươi đồng, trên đất thuê, số 31 đường Lagrange, xã Bình Lập (nay ở số 27 đường Phan Đình Phùng, thị xã Tân An, tỉnh Long An). Lần hồi, tiền bối cho cất lại, lợp ngói.

Năm 1920 (Canh Thân) tiền bối đổi đi tỉnh Hà Tiên, rồi ra đảo Phú Quốc, vợ con vẫn ở lại tỉnh Tân An. Năm 1924 (Giáp Tý) trở về Sài Gòn, tiền bối trọ tại khách sạn Bá Huê Lầu 百花樓, đường Pellerin (nay là Pasteur) rồi thay đổi chỗ trọ nhiều lần.

Suốt mười hai năm cuối đời, tiền bối sống ly gia cát ái, vì đây là giai đoạn Đức Cao Đài dạy tiền bối tu thiền. Tuy thế, tiền bối vẫn lo tròn bổn phận với gia đình: hàng tháng trích lương chu cấp cho vợ con, lo dành dụm tiền sửa nhà ở Tân An.

Tiền bối hay nhờ những người nghèo trong xóm đến làm giúp vài chuyện lặt vặt, rồi trả công hậu hĩ. Đó là cách tế nhị, khéo léo che giấu sự trợ giúp của mình.

Xử kiện trong địa phương, tiền bối rất thanh liêm, công bình. Nói về tệ nạn kiện cáo, ca dao Việt Nam có câu :

Con kiến mà kiện củ khoai,
Kiện đi kiện lại đã hai năm tròn.
Bây giờ kiến đã có con,
Củ khoai mọc mộng vẫn còn kiện nhau.

Thừa hiểu cái hại cho cả hai bên nguyên cáo và bị cáo nếu bị nha lại lợi dụng, do đó tiền bối thường khuyên giải và xử hòa các vụ lặt vặt. Những ai nghèo, cô thế, bị áp bức đều được tiền bối giúp.

Tại tỉnh Tân An, tiền bối từng thân hành đến làng Thái Bình, tổng Mộc Hóa để điều tra vụ án hương chủ Hương ngộ sát thợ cày Vàng rồi thông đồng với một cai tổng hầu chạy tội. Vụ án bị xếp lại qua hai đời chủ quận, nhờ tiền

bối công minh, hương chủ Hương phải nhận tội.

Một kẻ trộm bị tù, phải đi kéo quạt trong dinh quận. Y khóc lóc xin tiền bối cho về nhà lo ma chay cha. Động lòng thương kẻ hiếu, tiền bối chấp thuận. Ba ngày sau, tội nhân đã trở lại nộp mình đúng hẹn.

Có lần trộm đang tìm cách lẻn vào nhà tiền bối thì bị lính tuần bắt. Sau khi ôn tồn mà nghiêm nghị giải thích điều hơn lẽ thiệt, khuyên y cải ác tùng thiện, tiền bối cho tiền rồi tha về.

Với người ngoài tiền bối rất khoan thứ, nhưng với con lại rất nghiêm. Khi con còn bé, có lần phàn nàn cha hay bố thí rộng rãi cho người dưng mà ít chịu cho con tiền tiêu vặt. Tiền bối ôn tồn giải thích: "Các con đã có cơm no, áo quần lành lặn, còn đòi hỏi gì nữa? Ba nuôi người bần khổ là để dành đức lại cho các con đó."

Dạy con, tiền bối thường nhắc câu *Quan nhất thời, dân vạn đại* 官一時, 民萬代 (Làm quan một lúc, làm dân muôn đời), hoặc *Thuyền dời chớ bến không dời*, ngụ ý khuyên các con đừng ỷ thế cha là chủ quận rồi làm quấy. Có lần cậu bé thứ năm là Ngô Văn Nhựt cùng lũ trẻ tinh nghịch rủ nhau ăn trộm dưa. Cả đám bị bắt. Tiền bối ra lệnh thả hết con người khác, riêng con mình vẫn bị giữ lại tới chiều tối.

Tiền bối rất tiết kiệm. Ngày 12-10-1924, đang làm việc ở Sài Gòn, tiền bối gởi thư về Tân An cho hai con gái (Ngô Thị Yến Ngọc và Ngô Thị Nguyệt), dặn nhíp lại quần áo cũ của tiền bối để mặc tiếp. Tiền bối khuyên con: "*Phải biết tiện tặng* [tặn] *mà ở đời cho khỏi tiếng xấu hổ. Áo vải mà no bụng khỏi bị ai kêu réo đòi nợ là tốt trong*

đời." [14]

Những nét phác họa về thân thế tiền bối Ngô Văn Chiêu như trên cho thấy về phương diện đạo làm người, đối với gia đình, xã hội, đồng bào, tiền bối đã là tấm gương trọn vẹn. Người công chức nhân hậu này đã chấp nhận cuộc sống bình dị, nhưng lại vươn lên khỏi chỗ tầm thường của thói tục.

Với những đức tính như vậy, tiền bối đã có sẵn mọi điều kiện thuận lợi để hướng vào cuộc sống tu hành, nhằm vào mục đích giải thoát cho kiếp người khỏi vòng luân hồi sanh tử. Nhưng mãi đến năm bốn mươi ba tuổi (1921) tiền bối mới bước vào đường đạo, được sự trực tiếp dìu dắt của Đức Cao Đài qua cơ bút.

II. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI ĐỨC CAO ĐÀI

1. Nhân duyên với các đàn tiên

Xu hướng tín ngưỡng của tiền bối Ngô Văn Chiêu sớm bộc lộ từ buổi ấu thơ. Nhà dượng tiền bối tại Mỹ Tho có lập trang thờ Đức Quan thánh, do đó tiền bối quen dần với việc cúng kính và tụng kinh Minh thánh 明聖經 hàng ngày. Quyển kinh mỏng này thuộc loại thiện thư 善書 (kinh dạy làm lành lánh dữ) của đạo Lão, do Đức Quan thánh giáng cơ vào đời Thanh (Trung Quốc), được phổ biến ở Nam Kỳ qua nhiều nhan đề và bản dịch khác nhau.[15]

Ngoài ra tiền bối còn ăn chay mỗi tháng hai kỳ sóc vọng (mùng 1 và 15 âm lịch). Mãi đến năm 1920 (Canh Thân), lúc ở đảo Phú Quốc, vâng theo lời dạy của Đức Cao Đài, tiền bối mới thôi tụng kinh Minh thánh, chuyển sang tu thiền.

Ở tuổi đôi mươi tiền bối đã tin ở cơ bút. Trước khi gặp đạo Cao Đài tiền bối nhiều lần hầu đàn tiên do những nhân duyên khác nhau.

Năm 1902 (Nhâm Dần), muốn cầu thọ cho thân mẫu, tiền bối đến hầu đàn Minh Thiện (tại Thanh An tự) ở tỉnh Thủ Dầu Một. Một ông tiên ban cho tiền bối bài thơ thất ngôn tứ tuyệt.

Năm 1917 (Đinh Tỵ), vì thân mẫu đang đau nhiều, tiền bối tìm đàn Hiệp Minh ở Cái Khế, tỉnh Cần Thơ.[16] Đến nơi thì đàn đã lập, đồng tử đang tiếp điển thiêng liêng. Tiền bối phải ở bên ngoài. Nào ngờ tiên gia gõ cơ cho phép tiền bối vào hầu, ban cho bài thuốc và hai bài thơ. Bài thơ thứ nhất dài mười câu lục bát:

Trời còn sông biển đều còn,
Khắp xem cõi dưới núi non đượm nhuần.
Thanh minh trong tiết vườn xuân,
Phụng chầu, hạc múa, gà rừng gáy reo.
Đường đi trên núi dưới đèo,
Lặng tìm cao thấp ải trèo chông gai.
Phận làm con thảo há nài,
Biết phương tiên phật bồng lai mà tìm.
Xem qua xét lại cổ kim,
Một bầu trời đất thanh liêm chín mười.

Sau này, có lẽ tuân hành lời dạy của thiêng liêng, tiền bối nối tiếp thêm bốn câu nữa, để dùng làm lời khấn khi

[14] Cơ quan Phổ thông Giáo lý, *Lịch sử đạo Cao Đài*. Quyển 1, tr. 56.

[15] Về kinh Minh thánh, xem thêm: Lê Anh Dũng, *Quan thánh xưa và nay.* Hà Nội: Nxb Văn hóa - Thông tin, 1995.

[16] Sau khi chiếm Miền Tây Nam Kỳ (1867) thực dân Pháp cắt tỉnh An Giang thành sáu tỉnh nhỏ: Bạc Liêu, Cần Thơ, Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, và Sóc Trăng.

cầu cơ:

Vàng trau ngọc chuốt càng tươi,
Bền lòng theo Phật cho người xét suy.
Thần tiên vốn chẳng xa chi,
Có lòng chiêm ngưỡng nhứt thì giáng linh.

Năm 1919 (Kỷ Mùi), vì thân mẫu đau nhiều, tiền bối trở lại đàn Hiệp Minh, nhưng tiên gia chỉ ban cho bài thơ dài chứ không cho thuốc. Sau đó tiền bối tìm đến đàn Minh Thiện ở tỉnh Thủ Dầu Một, được Đức Quan thánh ban cho một bài thất ngôn tứ tuyệt nhưng không cho thuốc. Cuối năm này thân mẫu tiền bối tạ thế.

2. Nghe hồng danh Cao Đài lần thứ nhất (1920)

Trước khi chuyển đi tỉnh Hà Tiên, khoảng tháng 1 hay 2 năm 1920 (Kỷ Mùi), tiền bối thường lập đàn cầu cơ tại tỉnh Tân An cùng các ông Đoàn Văn Kim (1868-1946), hương bộ Lê Kiến Thọ (1868-1946), thầy giáo Nguyễn Văn Vân (1893-1981), nhà giáo kiêm soạn giả Trần Phong Sắc (1873-1928). Ông Sắc là một nhà nho hữu danh, hồi ấy đã được khách Lục châu biết tên qua các một số tuồng hát và nhiều bản dịch truyện Tàu như *Đại Minh hồng võ* (1907), *Anh hùng náo tam môn giai* (1907)...

Phận sự các ông trong những buổi lập đàn tiên như sau:

- *Pháp đàn*: Trần Phong Sắc (vẽ bùa để trấn đàn, ngăn cản tà quái xâm nhập đàn cơ).

- *Đồng tử âm*: Lê Kiến Thọ. *Đồng tử dương*: Nguyễn Văn Vân. (Hai người cùng thủ cơ, bốn bàn tay giữ đại ngọc cơ viết chữ trên mặt bàn.)

- *Điển ký*: Đoàn Văn Kim (ghi chép lời dạy nhận được qua phương tiện cơ bút và đồng tử).

- *Độc giả*: Ngô Văn Chiêu (nhìn ngọn cơ viết chữ trên mặt bàn và đọc ra tiếng để cho điển ký ghi chép).

Trong một buổi lập đàn tại nhà tiền bối Ngô Văn Chiêu, khi đọc bài cầu cơ đến câu *Ngũ chơn bửu khí lâm trần thế*... thì cơ gõ mạnh xuống bàn, một đấng xưng danh Cao Đài Tiên ông 高臺仙翁, bảo pháp đàn sửa lại câu này. Ông Sắc không chịu tuân theo. Tiên ông bảo tiền bối Ngô Văn Chiêu sửa. Tiền bối đổi lại là *Bửu chơn ngũ khí lâm trần thế* 寶真五氣臨塵世. Tiên ông gõ cơ khen.

Không rõ Cao Đài Tiên ông là đấng nào, các vị bạch, xin cho biết lai lịch. Tiên ông trả lời:

Cao Đài ứng hóa theo lòng chúng sanh,
Đố ai biết được cái danh Cao Đài.

Các bài cầu cơ thỉnh tiên lưu truyền trong dân gian thường có vài dị bản. Chẳng hạn, ngoài quyển *Vạn pháp quy tông* 萬法歸宗 của đạo Lão Trung Quốc truyền sang Việt Nam, bài cầu cơ ở nhà tiền bối Ngô Văn Chiêu cũng có trong quyển *Thần chú thỉnh tiên* (Sài Gòn: nhà in Phát Toán, 1907, tr. 3-4), mà La Thành Đầm tự Mộ Tần (thơ ký nhà Đoan) gọi là *Bài thỉnh tiên sơ thỉnh* (dài 46 câu), trong đó câu 9 in là *Ngọc chơn bửu khí lâm trần thế* 玉真寶氣臨塵世.

3. Nghe hồng danh Cao Đài lần thứ hai (1920)

Xong tuần bá nhật (một trăm ngày) của thân mẫu, ngày thứ Hai 01-3-1920 (11-01 Canh Thân) tiền bối Ngô Văn Chiêu đổi ra tỉnh Hà Tiên. Ở đó, tiền bối thường lên núi Thạch Động cầu tiên. Một vị tiên cô xưng danh Ngô Kim Liên ban cho tiền bối hai vé thơ, ngụ ý khuyến tu:

Văng vẳng nhạn kêu bạn giữa thu,
Rằng trời cùng đất vẫn xa mù.
Non tây ngoảnh lại đường gai góc,
Gắng chí cho thành bực trượng phu.

Ngần ngần trăng tỏ giữa trời thu,
Cái cảnh Tây phương vẫn mịt mù.
Mắt tục nào ai trông thấy đấy,
Lắm công trình mới đúng công phu.

Đêm trung thu năm Canh Thân (Chủ Nhật 26-9-1920), tiền bối cùng các ông Cao Văn Sự, Nguyễn Thành Diêu lập đàn tại nhà ông Lâm Tấn Đức. Tiên ông ban cho bốn câu thơ vừa xưng danh vừa điểm danh như sau:

Cao Đài minh nguyệt Ngô Văn Chiêu,
Linh lung vạn hộc thể Quan, Diêu.
Vô thậm Sự, Đức *nhiệm ngao du,*
Bích thủy, thanh sơn tương đối tiếu.

Chưa biết Quan (Quang?) là ai. Diêu và Sự thì đã rõ. Riêng Lâm Tấn Đức (1866-1934, tự Hữu Lân, không con) là anh ruột của Lâm Tấn Thoại, và ông Thoại là cha của Đông Hồ Lâm Tấn Phác (1906-1969), danh sĩ đất Hà Tiên.

4. Thọ pháp (1921)

Thứ Ba 26-10-1920 (15-9 Canh Thân), tiền bối Ngô Văn Chiêu đổi ra đảo Phú Quốc.

Về hòn đảo này, Đông Hồ cho biết: *"Ở Phú Quốc phần nhiều là còn giữ được cái phong tục, cái đức tính cổ thời, rõ là xã hội 'gia vô bế hộ'. Nhà ở không bao giờ có làm cửa. Những nhà hào phú muốn làm cửa là cho tốt coi chớ ban đêm cũng vẫn không khóa. Cửa bỏ ngỏ mà không bao giờ có kẻ trộm."* [17]

Tại hòn đảo này, tiền bối thường lập đàn cầu tiên trên núi Dương Đông. Đàn được lập ở một Phật đường của đạo Minh Sư, tục gọi là chùa Quan Âm, cách dinh quận chừng 500 mét.

[17] Đông Hồ, "*Thăm đảo Phú Quốc*", *Nam Phong tạp chí*. Số 124, năm 1927, tr. 545.

Đông Hồ Lâm Tấn Phác tả chùa Quan Âm như sau: *"Chùa cất trên tuyệt đỉnh, trước mặt thì có núi cao bình án, sau lưng thì có biển rộng hoành triều, rất được thế non nước. Tường đá rào tre quanh co, các thứ nhàn hoa cổ thụ, u ảo thanh tịnh vô cùng."* [18]

Chùa của Minh Sư được gọi là Phật đường. Do không hiểu, các báo cáo của mật thám, thanh tra thực dân Pháp thường gọi lầm Minh Sư là "đạo Phật đường". Chùa Quan Âm cũng gọi Quan Âm Phật đường, thuộc tông Hoằng Tế.

Cuối năm 1920 (Canh Thân), một tiên ông ẩn danh giáng đàn, dạy rằng nếu tiền bối thuận làm đệ tử thì tiên ông sẽ vui lòng truyền đạo. Tiên ông còn dặn hãy ngưng tụng kinh Minh thánh. Đến lúc ấy, tiền bối vẫn giữ lệ ăn chay mỗi tháng hai kỳ vào các ngày sóc, vọng. Cho nên khi tiên ông dạy mỗi tháng ăn chay mười ngày để đủ điều kiện thọ pháp tu thiền, tiền bối không khỏi e ngại việc đời ràng buộc, sẽ khó giữ tròn trai giới.

Mùng 1 Tết Tân Dậu (thứ Ba 08-02-1921), tại chùa Quan Âm, tiền bối chưa kịp giãi bày thì tiên ông ra lịnh: "*Chiêu, tam niên trường trai*." Thế là tiền bối chỉ còn biết vâng lời, cầu xin tiên ông hộ trì.

Các môn sanh Cao Đài Chiếu Minh học theo phép tu thiền của tiền bối Ngô Văn Chiêu đã chọn mùng 1 Tết hàng năm để kỷ niệm ngày tiền bối trường trai thọ pháp. Ba ngày kỷ niệm khác là:

- 07 tháng 01: kỷ niệm sinh nhật.
- 05 tháng 3: kỷ niệm ngày hiển đạo tại thế.
- 13 tháng 3: kỷ niệm ngày quy thiên.

Sau mùng 1 Tết năm ấy, tiền bối tu học thiền pháp với

[18] Đông Hồ, "*Thăm đảo Phú Quốc*", tr. 545.

tiên ông ẩn danh. Ngoài việc trực tiếp học đạo với vị sư phụ vô hình, tiền bối còn có một vị thiện tri thức làm bạn đạo, để trợ duyên trong buổi sơ cơ. Vị thiện tri thức đó là Thái lão sư Tùng Ngạc, một chức sắc cao trọng của đạo Minh Sư, một vị sở trường về thiền pháp.

Trong một đàn cơ tại tu viện Minh Đức (Vũng Tàu) vào thứ Năm 13-3-1980 (27-01 Canh Thân) Đại tiên Ngô Minh Chiêu nhắc lại sự kiện này như sau: *"Buổi đầu Tiên huynh được Thượng đế chọn làm môn đệ đầu tiên. Đức Từ phụ tùy theo căn cơ và sự sống, tuổi tác của Tiên huynh mà cho người dẫn dắt một phương pháp công phu tu luyện, mặc dầu đã có từ ngàn xưa, nhưng nay cũng tạm đặt là Cao Đài tân pháp để làm đường giải thoát cho Tiên huynh, một đồ đệ đầu tiên của Đức Thượng đế trong Tam kỳ Phổ độ."*

Hai năm sau, cũng tại tu viện Minh Đức, thứ Sáu 23-7-1982 (03-6 Nhâm Tuất), Minh Đức Đạo nhơn tiết lộ thêm về sự kiện này: *"Vì Đạo vô vi, sư vô vi nên cũng cần có sự hộ trợ của hữu hình. Như ngày xưa, thuở ban sơ khai Đạo, Đức Chí tôn cũng cần có Thái lão sư Tùng Ngạc truyền đạo cho Minh Chiêu Đại tiên khi còn tại thế."*

5. Thiên nhãn xuất hiện (20-4-1921)

Tiên ông ẩn danh dạy tiền bối không được tiết lộ pháp môn tu luyện. Tiền bối cũng chưa biết một nghi thức nào để thờ đấng sư phụ vô vi. Một hôm, tiên ông dạy tiền bối hãy nghĩ ra một biểu tượng cho mối đạo do tiên ông sáng lập. Tiền bối đề nghị chữ thập.[19]

[19] Hệ từ thượng truyện của kinh Dịch có câu *Nhất âm nhất dương chi vị Đạo*. 一陰一陽之謂道 (Một âm một dương gọi là Đạo.) Tượng trưng Đạo là sự phối hiệp hòa hài lưỡng nghi (âm dương), các nhà đạo học dùng chữ thập, vạch ngang là âm, vạch đứng là dương.

Tuy nhiên, tiên ông dạy phải tìm một biểu tượng khác, bởi vì chữ thập là một biểu tượng của đạo Thiên Chúa. Tiền bối xin thời hạn một tuần, nhưng rồi cũng không thể nghĩ ra được ý gì.

Sáng thứ Tư 20-4-1921 (13-3 Tân Dậu), vào lúc tám giờ, tiền bối đang ngồi trên võng, phía sau dinh quận Phú Quốc, nhìn ra biển khơi, chợt thấy trước mặt hiện rõ một con mắt trái thật lớn, linh động, hào quang chói lọi.

Tiền bối sợ, lấy tay che mắt. Hồi lâu, mở mắt ra nhìn, cảnh tượng vẫn còn. Tiền bối chắp tay, khấn xin tiên ông cho con mắt ấy biến đi, nếu như tiên ông muốn tiền bối thờ con mắt. Lạ thay, sau đó cảnh tượng mờ dần rồi mất hẳn.

Mặc dù vậy, trong dạ tiền bối hãy còn phân vân. Vài hôm sau, tiền bối lại mục kích một cảnh tượng y như vậy, và cũng chỉ sau khi khấn, hứa xin thờ con mắt thì con mắt mới biến đi.

6. Nghe hồng danh Cao Đài lần thứ ba (tháng 4-1921)

Khoảng vài ngày sau khi Thiên nhãn xuất hiện lần thứ hai, tiền bối đến hầu đàn tại chùa Quan Âm. Tiên ông dạy tiền bối vẽ lại Thiên nhãn (con mắt trái) như đã mục kích để thờ. Dịp này, tiên ông xưng hồng danh Cao Đài Tiên ông Đại bồ tát Ma ha tát 高臺仙翁大菩薩摩訶薩, dạy tiền bối gọi Đức Cao Đài bằng Thầy.

Ở tỉnh Tân An và Hà Tiên tiền bối đã hai lần được nghe hồng danh Cao Đài (1920). Hơn nữa, hai chữ Cao Đài vẫn được nhắc tới mỗi khi đọc bài chú thỉnh tiên chữ Nho có

câu *Cao Đài tiên bút thư văn tự* 高臺仙筆書文字.

Người Nam Kỳ thời xưa dùng sách *Ấu học Quỳnh Lâm* 幼學瓊林 học chữ Nho không lạ hai chữ Cao Đài. Sách do Trình Đăng Cát 程登吉 đời Minh (1308-1644) soạn, rồi Trâu Thánh Mạch 鄒聖脈 đời Thanh (1644-1911) viết phần tăng bổ.

Quỳnh 瓊 là một loại ngọc đỏ. Quỳnh Lâm 瓊林 là khu vườn được vua Tống chọn để thết tiệc đãi các tiến sĩ tân khoa. Nhan đề sách ngụ ý dạy trẻ con (ấu học), mong sau này chúng trở thành tiến sĩ (dự tiệc vườn Quỳnh Lâm).

Mùa thu năm 1912 tại Thượng Hải, Quảng Ích thư cục 廣益書局 phát hành Ấu học Quỳnh Lâm, bản in đá (khoảng 15x26cm) của nhà sách Thiên Bảo 天寶, gồm bốn quyển. Quyển hai có mười hai chương. Chương Thân thể (trang 21) có câu tăng bổ:

Cao đài viết đầu 高臺曰頭 (Đài cao gọi là đầu).

Lời chú giải thêm cho câu ấy là:

[Phật kinh] Đầu vi cao đài [佛經] 頭為高臺 (Theo kinh Phật thì đầu là đài cao).

7. Ý nghĩa của đàn tại chùa Quan Âm

Tiền bối Ngô Văn Chiêu được nghe hồng danh Cao Đài Tiên ông Đại bồ tát Ma ha tát trong đàn cơ lập tại chùa Quan Âm. Như vậy đàn này rất có ý nghĩa, vì đã xác lập những cơ cấu căn bản tối thiết của một tôn giáo.

Nói cách khác, theo đàn này, có thể khẳng định rằng đạo Cao Đài dù còn tiềm ẩn đã sớm hình thành từ năm

1921, với các yếu tố ban đầu như sau:

- *Giáo chủ* (vô vi): Đức Ngọc Hoàng Thượng đế, tá danh Cao Đài Tiên ông Đại bồ tát Ma ha tát.

- *Giáo đồ đầu tiên*: Tiền bối Ngô Văn Chiêu.

- *Giáo pháp*: Phần nội giáo tâm truyền (hay hình nhi thượng học), tức là pháp môn tu đơn (tọa thiền), cũng gọi là tân pháp Cao Đài.

- *Giáo tượng* (thánh tượng): Thiên nhãn.

- *Giáo thuyết*: Hồng danh Cao Đài Tiên ông Đại bồ tát Ma ha tát thể hiện đường lối dung hợp Tam giáo với Cao Đài biểu thị Nho, Tiên ông biểu thị Lão, Đại bồ tát Ma ha tát biểu thị Phật.

- *Giáo điển*: một số bài kinh dùng khi cúng trước Thiên bàn vào các thời Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu.[20]

Như vậy, nhiều sự kiện quan trọng của lịch sử khai đạo Cao Đài đã xảy ra tại chùa Quan Âm. Chùa này do hai ông Huỳnh Đăng Khoa,[21] Đỗ Minh Châu (tức Cả Bốn) cất. Về sau, ông Châu truyền chùa lại cho con là Đỗ Kim Cự. Ông Cự lại truyền chùa cho ông Đỗ Văn Đồ (tức Tám Gia).

Đỗ Văn Đồ tính khí thất thường, có khi gây chuyện náo động làm cho buổi hầu đàn mất thanh tịnh, thiếu trang nghiêm. Vì vậy, sau hơn nửa năm lập đàn tại chùa Quan Âm, tiền bối Ngô Văn Chiêu chuyển đến chùa Sùng Hưng của hòa thượng Thích Ngộ Tiên (1885-1946), cách chùa Quan Âm khoảng 200 mét.

---

[20] Lê Anh Dũng, *Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn 1920-1926*. Huế: Nxb Thuận hóa, 1996, tr. 72.

[21] Huỳnh Kim Chung (?-1939) tu đạo Minh Sư, pháp danh là Huỳnh Đăng Khoa.

Lần hồi, thiếu người chăm sóc, chùa Quan Âm suy sụp đổ nát. Năm 1961 (Tân Sửu), muốn giữ lại một di tích có liên quan đến thời khai nguyên nền Đạo, các môn sanh Cao Đài Chiếu Minh đã dựng trên nền cũ của chùa Quan Âm một mái chùa mới, gọi là Cao Đài Hội thánh.[22]

8. Ba năm tu học (1921-1924)

Trong ba năm học đạo với Đức Cao Đài trên đảo Phú Quốc, tiền bối Ngô Văn Chiêu một lòng tinh tấn với tâm bất thối chuyển. Đức Cao Đài khuyến khích:

Ba năm lao khổ độ nhứt nhơn,
Mắt Thầy xem rõ lòng dạ chắc,
Thương vì con trẻ hãy còn thơ,
Gắng chí tầm phương biết đạo mầu.

Giữa năm 1924 (Giáp Tý), tiền bối chuyển về làm việc tại Sài Gòn. Đức Cao Đài ban cho tiền bối một bài lục bát dài hai mươi câu, trong đó có những lời khen:

Ba năm lòng sáng như son,
Trèo non xuống biển vuông tròn công phu.
. . .
Giờ này Thầy điểm thâm công,
Ngày sau con sẽ cỡi rồng về nguyên.

9. Nếp sống ẩn tu giữa Sài Gòn

Rời đảo Phú Quốc ngày thứ Ba 29-7-1924 (28-6 Giáp Tý), hôm sau tiền bối Ngô Văn Chiêu về tới Sài Gòn. Gia đình tiền bối vẫn còn ở tỉnh Tân An.

[22] Năm 1960 ông Nguyễn Minh Truyện tìm ra nền cũ chùa Quan Âm. Ông là môn sanh Chiếu Minh thuộc đàn Long Hoa, số 113 Bùi Viện, quận 1, Sài Gòn, không xa Cơ quan Phổ thông Giáo lý. Bà Huỳnh Thị Kính (con ông Huỳnh Kim Chung) hoan hỷ hiến tặng các môn sanh Chiếu Minh miếng đất này để cất Cao Đài Hội thánh.

Thoạt đầu, tiền bối trọ tại khách sạn Bá Huê Lầu trên đường Pellerin (nay là Pasteur), sau đó nhiều lần thay đổi chỗ trọ. Có lúc dời về đường Paul Bert (nay là Trần Quang Khải, Đa Kao, quận 1), rồi về đường Espagne (nay là Lê Thánh Tôn), gần chợ Bến Thành, mướn nhà trên lầu một, phía dưới là một phòng răng.

Năm 1928 (Mậu Thìn), nơi cuối cùng tiền bối trú ngụ trong thời gian sống tại Sài Gòn là nhà số 110 đại lộ Bonard (nay là Lê Lợi). Tiền bối ở trên lầu hai, tầng trệt là tiệm tạp hóa của một Hoa kiều (người Hải Nam 海南).[23]

Lúc ở đảo Phú Quốc tiền bối đã có tình giao hảo với đạo Minh Sư. Trở về Sài Gòn, tiền bối hay ghé chùa Ngọc Hoàng (Ngọc Hoàng điện 玉皇殿), nguyên của đạo Minh Sư.[24] Ngoài ra, tiền bối ít khi giao du, giữ hạnh ẩn tu giữa Sài Gòn nhộn nhịp.

Đầu tháng 02-1926 (cuối năm Ất Sửu), Đức Cao Đài dạy tiền bối Ngô Văn Chiêu bắt đầu truyền đạo. Bốn công chức đầu tiên được biết mối đạo mới là:

- Vương Quan Kỳ (1880-1939), người tỉnh Chợ Lớn, tốt nghiệp collège Chasseloup-Laubat, làm việc tại Phủ

[23] Cơ quan Phổ thông Giáo lý, *Lịch sử đạo Cao Đài*. Quyển 1, tr. 355.

[24] Năm 1863, đời vua Tự Đức, tổ thứ mười lăm của Minh Sư là Đông Sơ rời Trung Quốc sang Việt Nam lập ngôi chùa mang tên Quảng Tế Phật đường 廣濟佛堂 ở tỉnh Hà Tiên. Công quả xây chùa có ông Ngô Cẩm Tuyền, sau tu lên phẩm đại lão sư (pháp danh Ngô Đạo Chương). Năm 1905, ông Ngô lập Ngọc Hoàng điện ở Đa Kao. Vì thiếu tiền, ông phải nhượng lại ngôi chùa còn dang dở. Từ năm 1982 chùa đổi tên là Phước Hải tự, thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nay ở số 73 Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1.

Thống đốc Nam Kỳ (cùng ở phòng nhì như tiền bối Chiêu, phụ trách việc thương mại).

- Đoàn Văn Bản (1876-1941), người tỉnh Biên Hòa, đốc học (hiệu trưởng) trường tiểu học Cầu Kho (quận 1).

- Nguyễn Văn Hoài, ngạch thông phán, làm việc cho một tòa án ở Sài Gòn.

- Võ Văn Sang, ngạch thông phán, làm việc ở Sài Gòn.

III. TIỀN BỐI NGÔ VĂN CHIÊU VÀ NHÓM CAO-PHẠM

Một năm sau ngày tiền bối Ngô Văn Chiêu trở lại Sài Gòn, có một nhóm công chức người tỉnh Tây Ninh đang làm việc ở Sài Gòn thực tập xây bàn (la table tournante, la table frappé) để tiếp xúc với cõi siêu hình theo cách chỉ dẫn trong các sách Thông linh học (Spiritisme) in bên Pháp. Bấy giờ, những năm 1924-1925, đang có một làn sóng Thông linh học lan tràn khắp cả Nam Kỳ, theo báo cáo của một chủ quận được ghi nhận trong phúc trình *"Le Caodaïsme"* (01-01-1932) của Lalaurette, Thanh tra chánh trị và hành chánh sự vụ (Inspecteur des affaires politiques et administratives).[25]

1. Nhóm xây bàn ở phố Hàng Dừa

Nhóm xây bàn ở phố Hàng Dừa (Arras) lúc đầu chỉ có bốn người:

- Tiền bối Cao Quỳnh Cư (1888-1929) và vợ là Nguyễn Thị Hiếu (tức Hương Hiếu, 1887-1971). Tiền bối Cư bấy giờ làm thơ ký Sở Hỏa xa Sài Gòn, ngạch tham tá (commis), thuê nhà ở số 134 đường Bourdais (nay là Calmette, quận 1).

[25] "*Une véritable vague de spiritisme sévissait en 1924-1925 dans toute la Cochinchine*." (Lê Anh Dũng, Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn 1920-1926. Huế: Nxb Thuận hóa, 1996, tr. 43.)

- Tiền bối Cao Hoài Sang (1901-1971), tham tá Sở Thương chánh Sài Gòn,[26] thuê nhà ở đường Arras, cách nhà tiền bối Phạm Công Tắc một căn.[27]

- Tiền bối Phạm Công Tắc (1890-1959), thơ ký Sở Thương chánh Sài Gòn.

Việc xây bàn hàng đêm của nhóm Cao-Phạm diễn tiến như sau (lược ghi một số điểm chính):

Thứ Sáu 24-7-1925 (04-6 Ất Sửu): Hai tiền bối Cư, Tắc ghé nhà tiền bối Sang tập xây bàn, nhưng không kết quả.

Chủ Nhật 26-7-1925 (06-6 Ất Sửu): Xây bàn, tiếp được chơn linh Cao Quỳnh Tuân (1844-1896) là thân phụ tiền bối Cư. Từ đó, các vị hàng đêm xây bàn.

Thứ Sáu 28-8-1925 (10-7 Ất Sửu): Xây bàn tại nhà tiền bối Cư, tiếp được Đức Chí tôn, nhưng Ngài ẩn danh, chỉ xưng là AĂÂ, mượn ba con chữ đầu tiên của bảng chữ cái quốc ngữ.

A do Alpha hay α (con chữ đầu tiên của bảng chữ cái Hy Lạp), tượng trưng đầu mối của vũ trụ vạn vật, tức là Thái cực với biểu tượng cổ là ☯. Thái cực sinh lưỡng nghi (âm dương). Ă và Â là biến thể của A, như là âm và dương. Dấu ˇ trên chữ Ă trông giống phần âm ngửa lên, màu đen ☯; dấu ^ trên chữ A trông giống phần dương úp xuống, màu trắng ☯ trong biểu tượng ☯. Có thể hiểu AĂÂ là một cách biểu thị Thái cực âm dương. Vì thế, cũng như Thái cực, AĂÂ biểu thị Thượng đế vô ngã (impersonal God).

[26] Sở thương chánh (bureau des douanes et régies): Cũng gọi nhà đoan, quan thuế, hải quan.

[27] Nền cũ hai nhà này rất có thể là vị trí Cơ quan Phổ thông Giáo lý hiện nay (số 171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1).

Trung tuần tháng 9-1925 (hạ tuần tháng 7 Ất Sửu): Nhóm Cao-Phạm chuyển sang dùng đại ngọc cơ để cầu tiên theo phương pháp cổ truyền của đạo Lão.

Thứ Ba 15-12-1925 (30-10 Ất Sửu): Lần đầu tiên nhóm xây bàn được nghe hồng danh Cao Đài khi Đức AĂÂ dạy ba vị tiền bối Cao-Phạm: *"Ngày mồng 1 tháng 11 này tam vị phải vọng thiên cầu đạo. Tắm gội cho tinh khiết, ra quỳ giữa trời, cầm chín cây nhang mà vái rằng: Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, vọng bái Cao Đài Thượng đế ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà quy chánh."* Ba vị chính thức trở thành môn đệ Cao Đài từ ngày 16-12-1925.

Thứ Hai 11-01-1926 (27-11 Ất Sửu): Tiền bối Lê Văn Trung (1876-1934) đến nhà tiền bối Cao Quỳnh Cư (134 Bourdais) hầu đàn, được Đức Cao Đài ban ơn cho bốn câu thơ.

Thứ Hai 18-01-1926 (05-12 Ất Sửu): Tuân lịnh Đức Cao Đài, nhóm Cao-Phạm mang đại ngọc cơ đến nhà tiền bối Lê Văn Trung (ở đường Quai Testard, nay là Châu Văn Liêm, quận 5). Đức Cao Đài giáng cơ thâu nhận Lê tiền bối làm môn đệ.

2. Nhóm Cao-Phạm hiệp với tiền bối Ngô Văn Chiêu

Khoảng hạ tuần tháng 01-1926 (trung tuần tháng 12 Ất Sửu): Đức Cao Đài dạy nhóm Cao-Phạm phải hiệp cùng tiền bối Ngô Văn Chiêu lo mở đạo Cao Đài, và phải kính tiền bối Chiêu làm Anh Cả.

Ngô tiền bối truyền lại thánh tượng Thiên nhãn, hướng dẫn cách sắp đặt bàn thờ (Thiên bàn), kinh cúng thời, v.v. Từ đó, việc lập đàn cầu tiên được tổ chức như sau: Ngô tiền bối làm pháp đàn; hai tiền bối Cư và Tắc làm đồng tử âm dương (song đồng); tiền bối Hương Hiếu làm điển ký.

Tại Sài Gòn, chiều 30 Tết (thứ Sáu 12-02-1926), các

tiền bối cùng nhau đi một vòng ghé nhà từng bạn đạo. Bắt đầu đi từ nhà tiền bối Võ Văn Sang (Cầu Muối, quận 1), rồi lần lượt ghé các tiền bối: Cao Quỳnh Cư, Vương Quan Kỳ (80 Lagrandière, nay là Lý Tự Trọng, quận 1), Lê Văn Giảng (85 Lagrandière), Nguyễn Trung Hậu (Đa Kao, quận 1), Nguyễn Văn Hoài, Phạm Công Tắc, Đoàn Văn Bản (42 Général Leman, nay là Cao Bá Nhạ, quận 1), Nguyễn Hữu Đắc (100 Lục Tỉnh, nay là Hùng Vương, quận 6)[28], Lý Trọng Quý. Cuối cùng về đến nhà tiền bối Lê Văn Trung thì vừa kịp đón giao thừa.

Tại từng nhà, tiền bối Ngô Văn Chiêu và cặp đồng tử Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư lập đàn cơ. Đức Cao Đài Tiên ông ban ơn cho mỗi vị chủ nhà một bài tứ tuyệt, ngụ ý khuyến tu, khích lệ các tiền bối gắng công gầy dựng nền tôn giáo Cao Đài.

Tết Nguyên đán Bính Dần trôi qua. Sang giờ Tý ngày mùng 9, các tiền bối thiết lễ vía Trời lần đầu tiên tại nhà tiền bối Vương Quan Kỳ (đêm thứ Bảy 20-02-1926). Đức Cao Đài dạy:

Bửu tòa thơ thới trổ thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.
Chung hiệp rán vun nền đạo đức,
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.

Tiền bối Ngô Văn Chiêu bạch với Đức Cao Đài, xin một bài thơ điểm danh chung cho những người đang có mặt. Đức Cao Đài ban ơn như sau:

Chiêu, Kỳ, Trung, *độ dẫn* Hoài *sanh,*
Bản, *đạo khai* Sang, Quý, Giảng *thành.*

[28] Tiền bối Nguyễn Hữu Đắc là thân hữu của nhóm Cao-Phạm, về sau tu theo đạo Minh Lý (thánh sở nay ở đường Cao Thắng, quận 3).

Hậu, Đức, Tắc, Cư *thiên địa cảnh,*
Quờn, Minh, Mân *đáo thủ đài danh.*

Quờn, Minh, Mân là ba người khách của tiền bối Vương Quan Kỳ. Sang có thể là Cao Hoài Sang, trùng tên với Võ Văn Sang. Như vậy, tuy bài thơ nêu mười hai tên gọi, nhưng có thể hiểu là điểm danh mười ba vị đệ tử đầu tiên, trong đó tiền bối Ngô Văn Chiêu đứng đầu, làm Anh Cả.

Theo luật đạo Cao Đài, đứng đầu Hội thánh (Cửu trùng đài) là giáo tông. Giáo tông được giải thích là anh cả. Toàn thể môn đệ đối với nhau là anh chị em như con một nhà, cùng thờ chung một Cha hay một Thầy thiêng liêng là Đức Cao Đài Thượng đế.

3. Tiền bối Ngô Văn Chiêu tách ra khỏi nhóm phổ độ

Khi nhóm phổ độ (trước đây gọi là nhóm Cao-Phạm) vâng lịnh Đức Cao Đài tiếp xúc Ngô tiền bối (hạ tuần tháng 01-1926) thì người đang trong thời kỳ tu luyện theo nội giáo tâm truyền (esotericism) do Đức Cao Đài truyền dạy. Thế nên tiền bối không trực tiếp tham gia hoạt động phổ độ hay ngoại giáo công truyền (exotericism). Vì vậy, trong đêm giao thừa đón năm mới Bính Dần (12-02-1926), Đức Cao Đài dạy chung ba vị tiền bối Lê Văn Trung, Vương Quan Kỳ và Nguyễn Văn Hoài như sau: "*Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo.*"

Mỗi thứ Bảy, tiền bối Ngô Văn Chiêu cho làm một tiệc chay ở căn phố trọ (số nhà 110 Bonard, Sài Gòn) để đãi các em đã thay mặt người đi truyền đạo. Tiền bối còn xuất tiền may áo dài tặng một vài vị để mặc cho tươm tất mỗi khi đi phổ độ các nơi.[29]

Ngô tiền bối hướng dẫn nhóm phổ độ được khoảng ba tháng thì bắt đầu diễn ra những sự kiện quan trọng để chuẩn bị thành lập Hội thánh Cao Đài. Ba sự kiện có liên quan tới Ngô tiền bối như sau:

- *Tháng 4-1926*: Đức Cao Đài dạy ba vị Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc gặp tiền bối Ngô Văn Chiêu, truyền lịnh may thiên phục giáo tông (áo trắng, có thêu tám quẻ Càn, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn). Tiền bối Hương Hiếu được lịnh đem lại bàn cơ chén nước lạnh để Đức Cao Đài vẽ kiểu thiên phục. Khi nào may xong áo, sẽ lập đàn cơ để Đức Cao Đài chỉ rõ vị trí đặt tám quẻ trên áo.

- *Chủ Nhật 18-4-1926* (07-3 Bính Dần): Đức Cao Đài dạy tiền bối Hương Hiếu cách may mão giáo tông (màu trắng, cao 33,30cm, có hai dải thòng xuống vai, rộng bản 3cm, dài 30cm). Ngày hôm sau, tiền bối Hương Hiếu làm thử một cái mão bằng giấy dâng lên để Đức Cao Đài sửa lại cho đúng.

- *Thứ Năm 22-4-1926* (11-3 Bính Dần): Cầu cơ tại nhà tiền bối Cao Quỳnh Cư. Trong lúc dâng lên Đức Cao Đài cái mão giáo tông làm thử (lần thứ nhì), tiền bối Hương Hiếu tỏ ra vội vàng, nên Đức Chí tôn dạy: "*Trúng. Mà ai đội con phòng lật đật!*"

Phải chăng Đức Chí Tôn đã tiên tri Ngô tiền bối sẽ không nhận phẩm giáo tông? Thật vậy, đó là lúc tiền bối Ngô Văn Chiêu quyết định tách ra khỏi nhóm phổ độ. Duy trì nếp sống ẩn tu cố hữu trong sáu năm qua, người dốc trọn tâm chí và dành nhiều thời gian vào việc tu thiền cho thành công ngõ hầu xây dựng nền tảng vững chắc cho nội

[29] *Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu*. Sài Gòn: 1962, tr. 41.

giáo tâm truyền.

Năm mươi bốn năm sau đàn cơ ấy, thứ Năm 13-3-1980 (27-01 Canh Thân), sự kiện này được Đức Ngô Minh Chiêu giãi bày tại đàn cơ ở tu viện Minh Đức (Vũng Tàu): "*Nhưng rất tiếc, Tiên huynh chưa hoàn thành được chỗ nội đơn đại dược, nên Tiên huynh không dám nhận ngôi vị giáo tông mà Từ phụ ban cho (...).*"

Tiền bối Ngô Văn Chiêu từ tạ ngôi vị giáo tông vào ngày thứ Bảy 24-4-1926 (13-3 Bính Dần). Người cũng hoàn lại tiền bối Hương Hiếu số tiền đã mua vải để may bộ thiên phục và mão giáo tông.

Tuy Ngô tiền bối từ tạ, nhưng ngày nay người vẫn được kính ngưỡng là Đệ nhất Giáo tông.

IV. SÁU NĂM CUỐI ĐỜI (1927-1932)

Những người chọn con đường ẩn tu để hành thiền (tịnh luyện) đã dần dần tìm đến tiền bối Ngô Văn Chiêu xin thọ pháp môn. Một nhóm môn sanh ở Cần Thơ đã hình thành Chiếu Minh đàn. Chiếu Minh phát triển dần dần trở thành một nhánh tu kín (esoteric) của đạo Cao Đài. Tháng 5-1927, các vị này tạo lập nghĩa địa Chiếu Minh ở Cần Thơ.

1. Thăm núi Tà Lơn lần đầu

Tháng 6-1928 (tháng 4 Mậu Thìn), Ngô tiền bối xin nghỉ việc sáu tháng để thăm núi Tà Lơn[30] (Cam Bốt) theo lịnh của Đức Cao Đài. Lúc này số môn đệ Chiếu Minh tháp tùng theo tiền bối có khoảng ba mươi người. Khởi hành ngày thứ Tư 13-6-1928.

Trở về làm việc ở Sài Gòn một thời gian, sau đó Ngô tiền bối và một số môn đệ Chiếu Minh chu du sáu tỉnh ở

[30] Người Việt gọi Bokor là núi Tà Lơn hay Trà Lơn. Núi cao 1.080m, thuộc tỉnh Kampot (người Việt gọi là Cần Giọt).

Nam Kỳ. Chuyến đầu ghé ba tỉnh Gò Công, Mỹ Tho, Bến Tre. Chuyến sau đi ba tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu.

2. Hiển đạo tại thế

Thứ Năm 03-4-1930 (05-3 Canh Ngọ), Ngô tiền bối vẫn đang ở Sài Gòn (110 Bonard), nhưng đàn cơ giờ Ngọ tại Hiệp Minh đàn (Cái Khế, Cần Thơ) lại tiếp được một bài thơ thất ngôn bát cú do tiền bối và tiên ông Vân Trung Tử cùng giáng cơ ban cho.

Sự kiện này chứng minh Ngô tiền bối đã đắc đạo tại thế. Hàng năm, môn sanh Chiếu Minh lấy ngày mùng 5 tháng 3 âm lịch làm lễ kỷ niệm ngày tiền bối Ngô Văn Chiêu hiển đạo tại thế.

3. Thăm núi Tà Lơn lần thứ nhì

Tháng 12-1931 (Tân Mùi), tiền bối nghỉ việc, lui về tỉnh Cần Thơ, ở tại nhà môn sanh Lý Trọng Quý, số 39, đường Nguyễn An Ninh.

Thứ Tư 30-3-1932 (24-02 Nhâm Thân), Ngô tiền bối đi thăm núi Tà Lơn lần thứ nhì. Người tỏ ý sẽ thoát xác nơi đây. Các môn đệ đi theo hết sức khẩn khoản tiền bối trở về Cần Thơ.

Chủ Nhật 10-4-1932 (05-3 Nhâm Thân), tiền bối về đến Cần Thơ và ở luôn tại đây cho tới ngày quy thiên.

Vì lần này tiền bối không chịu tá túc trong nhà của bất kỳ môn đệ nào, môn sanh Chiếu Minh cất cho người một lều tranh giản dị (thảo lư), không xa nghĩa địa Chiếu Minh, cách châu thành Cần Thơ khoảng 3km.

4. Cỡi rồng về nguyên

Sáng thứ Hai 18-4-1932 (13-3 Nhâm Thân), tiền bối bảo môn sanh chuẩn bị xe đưa người về nhà ở tỉnh Tân An. Sau khi xong buổi ngồi thiền giờ Ngọ, đồng tử Lê Văn Ngưng (1906-1948) cõng tiền bối ra xe.

Tiền bối ngồi riêng ở băng sau. Ngoài đồng tử Ngưng và vài môn sanh, cùng đi có con gái thứ năm của tiền bối (Ngô Thị Nguyệt). Dọc đường, da mặt và thân thể tiền bối dần dần chuyển thành màu vàng nghệ.

Xe qua phà Cần Thơ, đi tiếp đến Vĩnh Long rồi xuống phà Mỹ Thuận. Phà chạy ra gần giữa sông Tiền (một nhánh sông Cửu Long, chín rồng) thì Ngô tiền bối đã nhẹ nhàng thoát xác lúc 3 giờ chiều. Việc này ứng hợp với lời Đức Cao Đài dạy tiền bối vào giữa năm 1924 (Giáp Tý):

Giờ này Thầy điểm thâm công,
Ngày sau con sẽ cỡi rồng về nguyên.

Môn sanh yêu cầu quay phà trở lại. Trên đường về thảo lư, da tiền bối trở lại bình thường, con mắt trái (dương) mở to ra, nhìn như người sống, con mắt bên phải (âm) khép kín.

Thánh tượng Cao Đài là con mắt trái (Thiên nhãn). Giống như trường hợp Ngô tiền bối, đối với những hành giả Cao Đài tu thiền chứng đắc, mở mắt trái khi rời bỏ thế gian là một ấn chứng đắc đạo.

5. Lễ tang

Môn sanh Chiếu Minh tìm thấy ở thảo lư một bao thơ với di ngôn của tiền bối, ngắn gọn:

Thôi, các em nhứt tâm.
Thầy chẳng quên ta. Ta hằng tại.
Chẳng đặng nhiều lời.
Nay kỉnh tạ,
Bần đạo
Chiêu
22/8/31

Trong bao thơ còn có một trăm đồng bạc. Tiền bối dặn dò chi phí cho lễ tang chỉ chừng ngần ấy và không được nhận tiền phúng điếu.

Theo di ngôn, các môn sanh tự tay khâm liệm di thể tiền bối trong tư thế ngồi thiền, rồi đặt trong một áo quan hình lục giác, đường kính 0,8m, cao 1,20m.

Các vị đẩy xe đưa lục giác ra nghĩa địa Chiếu Minh, cách thảo lư khoảng 200m. Lục giác được đặt trên một nền đã xây sẵn, sau đó xây gạch bao kín chung quanh. Bên ngoài xây thành một cái tháp sáu mặt, ba tầng.

Đám tang rất đơn giản, không kèn trống, không tụng kinh cầu siêu. Lúc sinh tiền, Ngô tiền bối bảo rằng người đã cầu nguyện cho bản thân hàng ngày, đã biết mình là ai, chết rồi sẽ đi đâu, nên không cần đọc kinh cầu siêu nữa.

Hàng ngàn người từ các nơi đổ về Cần Thơ. Các môn sanh và nhiều người khác đã xin thọ tang. Tang lễ trở thành sự kiện đăng trên các báo.

Theo đàn cơ lập tại thảo lư (Cần Thơ) vào giờ Dậu ngày thứ Sáu 03-8-1934 (23-6 Giáp Tuất), Đại tiên Ngô Minh Chiêu là Ngôi Hai Giáo chủ.[31]

[31] Ngôi Một là Đức Cao Đài Thượng đế.

Phụ lục

Phụ lục 1: **Collège de Mỹ Tho**

Collège de Mỹ Tho do Phó đô đốc, Thống đốc Nam Kỳ, Bá tước Louis Charles Georges Jules Lafont lập ngày 17-01-1879. Đến ngày 14-6-1881 thì Đại tướng, Quyền thống đốc Nam Kỳ Arthur de Trentinian đổi tên trường thành collège le Myre de Vilers.[32]

Charles Marie le Myre de Vilers là cựu tỉnh trưởng (préfet), cựu giám đốc dân sự vụ (directeur des affaires civiles) ở Algérie, được bổ làm thống đốc Nam Kỳ ngày 13-5-1879, nhậm chức từ 07-7-1879 đến 11-01-1883, vắng mặt ở Sài Gòn từ 04-3-1881 đến 31-10-1881.[33]

Phụ lục 2: **Collège Chasseloup-Laubat**

Do nhầm lẫn, các sách thường viết tiền bối Ngô Văn Chiêu học lycée Chasseloup-Laubat. Thực ra, khi tiền bối vào học, trường có tên là collège Chasseloup-Laubat. Paulus Của cũng ghi tên trường là collège Chasseloup-Laubat.[34]

Lược sử trường như sau: Pháp thành lập école Normale colonial (trường sư phạm thuộc địa, 10-7-1871); xây trên phần đất chùa Khải Tường (12-8-1871). Đổi tên thành collège Indigène (trường bản xứ, 1874).[35] Đổi tên thành collège Chasseloup-Laubat (1876), chia ra khu Âu (quartier européen) và khu bản xứ (quartier indigène). Tách khu bản xứ nhập sang collège de Cochinchine (trung học Nam Kỳ, 15-7-1927). Collège Chasseloup-Laubat đổi tên thành lycée Chasseloup-Laubat (1928), còn collège de Cochinchine đổi tên thành lycée Petrus Ký.[36]

Chasseloup-Laubat là Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa của triều đình Pháp, chủ trương chiếm Sài Gòn để làm căn cứ thuận lợi cho quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông. Ông ta tác động vua Napoléon III rất nhiều trong chính sách xâm lược, cướp Nam Kỳ làm thuộc địa.[37]

Phụ lục 3: **Các thống đốc Nam Kỳ** (a)

Khi tiền bối Ngô Văn Chiêu bắt đầu vào làm việc tại Phủ Thống đốc (01-01-1903) thì thống đốc Nam Kỳ bấy giờ là François Pierre Rodier, ngạch thống đốc các thuộc địa (gouverneur des colonies), được bổ nhiệm ngày 21-10-

[32] Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918*. Hà Nội: Nxb Giáo dục, 1999, tr. 109.

[33] Commission française du Guide des Sources de l'Histoire des Nations, *Sources de l'Histoire de l'Asie et de l'Océanie dans les Archives et Bibliothèques françaises*. Part I: Archives. [Ouvrage préparé avec l'aide et sous les auspices de l'Unesco.] München: K.G. Saur, 1981, pp. 538-539.) Nhân đây, xin chân thành cảm ơn nhà sử học Hoàng Anh Phan Văn Hoàng, Đại học Sư phạm Thành phố, đã tặng tôi tài liệu này. (HK)

[34] Paulus Của, *Sách quan chế*. Sài Gòn: Bản in nhà nước, 1888, tr. 16. Xin chân thành cảm ơn nhà sử học Nguyễn Đình Đầu, đã giúp tôi tài liệu xưa này. (HK)

[35] Có lẽ do một nghị định của Phó đô đốc, Thống đốc Nam Kỳ Jules François Emile Krantz ký ngày 14-11-1874. (HK)

[36] Nguyễn Đình Đầu, "*Giáo dục dưới triều Nguyễn và dưới thời Pháp (1698-1955)*", trong *Địa chí văn hóa thành phố [Sài Gòn]*, tập II: Văn học – Báo chí – Giáo dục. 1998, tr. 696, 730.

[37] Nguyễn Thế Anh, *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ*. Sài Gòn: Trung tâm Sản xuất Học liệu Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, 1974, tr. 14, 22, 25.

1902. Trong thời gian Rodier vắng mặt thì Olivier Charles Arthur de Lalande-Calan, thanh tra các sở dân sự (inspecteur des services civils), được bổ làm quyền thống đốc Nam Kỳ ngày 02-3-1906, nhậm chức từ ngày 10-3-1906 cho tới khi Rodier trở về Sài Gòn ngày 02-01-1907.

Ngày 29-6-1907, Khâm sứ (résident supérieur) Louis Alphonse Bonhoure được bổ làm thống đốc Nam Kỳ, nhậm chức ngày 13-7-1907. Trong thời gian Bonhoure vắng mặt thì Ernest Antoine Outrey, thanh tra các sở dân sự, được bổ làm quyền thống đốc Nam Kỳ ngày 28-02-1908 và giữ chức cho tới Bonhoure trở về Sài Gòn ngày 24-9-1908.

Ngày 09-02-1909, Jules Maurice Gourbeil, ngạch thống đốc các thuộc địa, được bổ làm thống đốc Nam Kỳ, nhậm chức ngày 16-6-1909. Trong thời gian J.M. Gourbeil vắng mặt (từ 09-02-1909 đến 15-6-1909) thì E.A. Outrey trở lại làm quyền thống đốc Nam Kỳ.[38]

Phụ lục 4: **Các thống đốc Nam Kỳ** (b)

Tháng 7-1924, tiền bối Ngô Văn Chiêu về Sài Gòn thì quyền thống đốc Nam Kỳ là Auguste Tholance, thanh tra chánh trị và hành chánh sự vụ (inspecteur des affaires politiques et administratives), nhậm chức từ ngày 31-5-1924 thay cho Thống đốc Maurice Cognacq vắng mặt cho tới ngày 17-12-1924.

Ngày 09-4-1926 Aristide Eugène le Fol, ngạch tham biện hạng nhất (administrateur de 1er classe), được bổ làm quyền thống đốc Nam Kỳ, nhậm chức ngày 19-4-1926. Như vậy các sách sử Cao Đài hay chép Le Fol là "thống đốc" thì không đúng. Ông ta chỉ là quyền thống đốc, đảm

[38] Commission française du Guide des Sources de l'Histoire des Nations, pp. 539-540.

nhiệm chức vụ trong khoảng hơn nửa năm trong lúc chờ một thống đốc chính thức từ Pháp bổ sang. Tuy nhiên, trong cách xưng hô (như trên Tờ Khai Đạo ngày 07-10-1926), mọi người vẫn gọi ông là "Thống đốc" vì phép lịch sự.

Ngày 09-11-1926 Paul Marie Alexis Joseph Blanchard de la Brosse, ngạch thống đốc các thuộc địa, được bổ làm thống đốc Nam Kỳ, nhậm chức ngày 30-12-1926.

Ngày 04-11-1928 Jean Félix Krautheimer, ngạch thống đốc các thuộc địa, được bổ làm thống đốc Nam Kỳ, nhậm chức ngày 06-3-1929.

Ngày 05-01-1929 Eugène Henri Eutrope, ngạch tham biện hạng nhất, được bổ làm quyền thống đốc Nam Kỳ, nhậm chức từ ngày 12-01-1929 tới 06-3-1929 trong khi J.F. Krautheimer vắng mặt.

Tháng 12-1931 khi tiền bối Ngô Văn Chiêu rời khỏi Phủ Thống đốc thì E.H. Eutrope đang làm quyền thống đốc Nam Kỳ lần thứ hai trong lúc J.F. Krautheimer vắng mặt (từ 21-11-1931 đến 11-11-1932).[39]

[39] Commission française du Guide des Sources de l'Histoire des Nations, p. 540.

Thánh giáo Đức NGÔ MINH CHIÊU

Cao Đài Hội thánh (Dương Đông, Phú Quốc)
Tuất thời, 14-3 Đinh Mùi (23-4-1967)

Kỷ niệm Đức Ngôi Hai Giáo chủ Ngô Đại tiên

(. . .)

TÁI CẦU

THI

Cảnh trí thiên nhiên trước sắp bày,
Huyền vi [40] lố bóng Đạo hoằng khai.
Non sông bốn mặt trời soi sáng,
Nhơn vật mười phương đất chuyển xoay.
Sứ mạng Tam kỳ trao Việt quốc,
Chủ quyền nhứt thống lập Cao Đài.
Hạ nguơn sĩ tử mau mau bước,
Ổn định càn khôn đã đến ngày.

NGÔ MINH CHIÊU. Tiên huynh chào chư Thiên mạng, chào mừng chư hiền hữu, hiền muội. Thầy mừng chư đệ tử.

Hôm nay, chư đệ tử thiết lễ kỷ niệm để nhớ ơn Thầy, và thay mặt Thầy mời chư đồng đạo các nơi quy tụ đến mảnh đất nhỏ hẹp này để đánh dấu lịch sử ngày Thượng đế ban

[40] *Huyền vi*玄微: Sự sâu kín nhỏ nhặt, ám chỉ lẽ bí mật của trời đất.

biểu hiệu [41] cho đạo Cao Đài trong Kỳ Ba ân xá. Thầy rất mừng và cảm động vô cùng trước nỗi ưu tư của chư đệ tử đối với tiền đồ [42] nền Đại đạo Cao Đài.

Kỳ lễ năm nay có phần đặc biệt hơn hết là Thầy có thỉnh chư tiên phật và đạo hữu tiền bối quá vãng đến chung vui với Thầy, với chư hiền đệ, hiền muội và chư đệ tử.

Chư hiền đệ, hiền muội! Trong những ngày qua chí đến ngày nay, Tiên huynh nhận thấy lòng ưu tư và thiết tha đến ngày kỷ niệm này của chư hiền đệ, hiền muội, nên chư hiền đệ, hiền muội từ các phái đoàn các nơi đến thành phần cá nhơn, đã vượt sóng ngàn khơi đến để tưởng nhớ và hân hoan ghi nhận di tích nơi đã phát sinh đạo Cao Đài. Để long trọng hóa buổi lễ hôm nay, hầu tưởng thưởng, đáp lại lòng ưu tư và gian khổ đó, nên Tiên huynh có thỉnh chư tiên phật và đạo hữu tiền bối quá vãng trong đạo Cao Đài đến chứng lễ và chung vui với chư hiền đệ, hiền muội cũng như các hàng đệ tử trong tình thiêng liêng và lý đạo.

Đây Tiên huynh tạm nhường bút các vì [43] tiên phật, rồi sau đó sẽ đàm đạo thêm. Ngưng điển.

(. . .)

TIẾP ĐIỂN

Ngô Minh Chiêu. Chư hiền muội, hiền đệ và các đệ tử hãy đọc bài đưa tiên.

Tiên huynh miễn lễ chư hiền đệ, hiền muội. Và Thầy cho phép các hàng đệ tử an tọa đẳng đẳng.

Chư hiền đệ, hiền muội! Sở dĩ cách xưng hô có khác

[41] Tức là Thiên nhãn.

[42] *Tiền đồ* 前途: Con đường phía trước, tương lai.

[43] *Các vì*: Các vị.

nhau là Tiên huynh hay Thầy, đó là do nơi lòng người nơi thế gian, và cũng để thể hiện lòng ưu ái thâm tình với nhau. Thật ra, trước Đấng Chí tôn, chúng ta tất cả là anh em. Mỗi người đều có một sứ mạng chung, đó là tu thân hành đạo, làm sáng danh Đạo, đem đạo độ đời từ chỗ tội lỗi hung ác trở lại đường thuần lương thiện mỹ, để có thể biến cảnh thế gian này trở thành cõi thiên đường cực lạc, lập lại đời thượng nguơn thánh đức. Chừng đó, giữa con người và con người đều lấy tình thương yêu ruột rà đối xử với nhau trong tình tương thân tương trợ.

Ngày nay, chư hiền đệ, hiền muội đã vì Thầy, vì Đạo, vì nhơn sanh vượt sóng đến đây, cũng như Tiên huynh đã vì sứ mạng năm xưa còn đeo đẳng, nên đến ngày nay, thay vì an hưởng lạc thú thanh nhàn, rượu cúc trà sen nơi non bồng nước nhược, ngày tháng tiêu dao nơi bồng đảo, lại phải vì sứ mạng đó còn vương vấn, với nhiệm vụ là đem đạo độ đời, trung hưng [44] chánh pháp để kịp ngày Long Hoa đại hội.

Chư hiền đệ, hiền muội! Bốn mươi hai năm khai đạo và giáo đạo vừa qua,[45] chính Đức Chí tôn đã bổn thân xuống trần, cũng như các hàng phật tiên, thần thánh đều giáng bút, phát ban nhiều kinh điển, nhiều giáo lý. Chư hiền đệ, hiền muội và các hàng đệ tử đã đọc qua nhiều lắm rồi. Giờ đây chỉ còn có một điều là thực hành chơn pháp, rèn luyện chánh tâm, giữ gìn chánh tín, để tu chánh đạo, hầu tự cứu trong cơ sàng sảy đào thải của định luật.

[44] *Trung hưng* 中興: Khôi phục, phục hồi lại sau thời gian bị suy yếu. Thường bị đọc hay viết sai là *trùng hưng*.

[45] *Bốn mươi hai năm*: Từ 1926 tới 1967.

Tiên huynh rất buồn và tiếc cho các hàng hậu học [46] ngày xưa không lãnh hội được đạo lý uyên thâm và trọng tâm khai đạo của các đấng giáo chủ. Do đó đã quan niệm đạo lý trong phạm vi chật hẹp, cách ngõ ngăn tường, đã đóng khung đạo lý trong phạm vi độc tôn, độc đoán, đã gây bao lần thất kỳ truyền.[47]

Rất đỗi đến ngày nay, cũng còn có nhiều cấp lãnh đạo đã quan niệm đạo lý dường ấy, tưởng rằng đạo lý là của riêng một người hay một nhóm. Do đó đã bày ra bao nhiêu hình thức độc tôn. Đó là một tệ hại rất lớn cho cấp lãnh đạo, giáo đạo.

Thử nghĩ lại mà xem: Đạo lý đối với vạn vật như ánh sáng bủa khắp muôn loài, không vì sang hèn, giàu nghèo, lớn bé, từ nhân loại đến thú cầm, thảo mộc, bò bay, máy cựa, mỗi mỗi đều gội nhuần ánh sáng trong luật hóa sanh, trưởng dưỡng và bảo tồn. Chỉ phi trừ loài nào muốn trốn không thụ hưởng ánh sáng thì thôi, còn loài nào muốn, đương nhiên được ban bố đồng đều. Đạo lý cũng dường ấy.

Chính người đời đã quan niệm sai lầm nên mới nảy sanh độc tôn. Hễ độc tôn lại nảy sanh mê tín, rồi đem cái mê tín ấy ban rải cho lớp người mê tín khác. Tiên huynh cần nhắc lại chư hiền đệ, hiền muội về điểm chánh tâm, chánh tín mới gặp được chánh lý, chánh đạo hầu thoát khỏi luân hồi. Trên cõi Thiên đình không có một vị phật tiên, thần thánh nào mà thiếu nhân nghĩa, không trung

[46] *Hậu học* 後學: Người học đạo sau khi các vị giáo tổ đã quy thiên.

[47] *Thất kỳ truyền* 失其傳: Đánh mất chỗ chân truyền từ các giáo tổ.

hiếu, mất liêm sỉ.[48]

THI

Chánh đạo thành do bởi chánh tâm,
Chánh tâm, chánh tín khỏi sai lầm.
Lầm theo dục vọng rồi chia rẽ,
Chia rẽ sau này hối vạn năm.

THI BÀI

1. Năm Đinh Mùi tháng ba, mười bốn,
Hội đạo đồng [49] giữa chốn Dương Đông,
Nhứt tâm hoài niệm [50] bóng Hồng,[51]
Sáng soi vũ trụ trong vòng tang thương.[52]

2. Trên mặt biển buồm trương thấp thoáng,
Giữa lưng trời cánh nhạn tung bay,
Ôi, non sông đẹp đẽ thay!
Tranh kia ai họa, cảnh này ai tô?

[48] *Liêm sỉ* 廉恥: Thanh liêm 清廉 (không tham ô) và biết xấu hổ (hổ thẹn) không dám làm điều quấy. Quản Tử chủ trương trị nước phải có *tứ duy* 四維 (bốn sợi dây): lễ 禮, nghĩa 義, liêm 廉, sỉ 恥. Sử ký Tư Mã Thiên chép: "Bốn dây không căng ra thì nước sẽ bị diệt vong." 四維不張,國乃滅亡. (*Tứ duy bất trương, quốc nãi diệt vong*.) Ý nói bốn dây căng ra để ràng buộc đạo đức dân chúng, nếu không thì dân sẽ vô đạo đức và nước sẽ mất.

[49] *Đạo đồng*: Đồng đạo 同道, bạn tu theo cùng một đạo.

[50] *Hoài niệm* 懷念: Nhớ nghĩ tới.

[51] *Hồng* 洪: Lớn lao, to tát. *Bóng Hồng*: Ám chỉ Đức Chí tôn Thượng đế.

[52] *Tang thương* 桑蒼: Tang điền thương hải 桑田蒼海, ruộng dâu biến thành biển xanh, ám chỉ cuộc đời biến đổi, nay còn mai mất.

3. Dựa ven gành nhấp nhô cần hạc,[53]
Cuối triền non thảnh thót giọt châu,[54]
Phải chăng Khương Tử ngồi câu? [55]
Hay là Sào Phủ đuổi trâu trên dòng? [56]

4. Nhịp vó ký [57] Tái ông đắc thất,[58]
Tiếng chày kình [59] nhà Phật thu không,[60]

[53] *Cần hạc*: Cổ chim hạc.

[54] *Giọt châu*: Giọt nước trong veo, lóng lánh như hạt ngọc (*châu* 珠).

[55] *Khương Tử* 姜子: Khương Tử Nha 姜子牙 (tức là Khương Thượng 姜尚, Khương Thái công 姜太公), người đời Châu, thuở hàn vi ngồi câu cá ở sông Vị. Tám mươi tuổi gặp Châu Văn vương mời ra làm tướng quốc, đánh bại vua Trụ, tiêu diệt nhà Thương.

[56] *Sào Phủ* 巢父: Là người hiền đời vua Nghiêu, không ưa danh lợi, phú quý. Một lần dắt trâu ra sông Dịch Thủy, gặp Hứa Do 許由 rửa tai, Sào hỏi lý do. Hứa nói vua Nghiêu mời ông ra làm quan, nghe dơ cả tai nên phải đi rửa. Sào liền dắt trâu lên phía trên dòng nước cho uống để khỏi dơ miệng trâu.

[57] *Vó ký*: Móng chân ngựa ký. Ký 驥 là một loài ngựa hay, chạy xa và nhanh, lại thuần nết. Sách xưa chép rằng ngựa ký mỗi ngày chạy được ngàn dặm mà không mệt. Thơ văn ngày xưa thường ví người tài giỏi là ngựa ký.

[58] *Tái ông* 塞翁: Ông ở biên tái (gần cửa ải). Ngựa nhà ông đi mất, ông không phàn nàn, nói biết đâu là việc may. Khi ngựa trở về, dắt theo con ngựa khác. Ông không mừng, nói biết đâu là việc rủi. Con trai ông té gãy chân vì ham cỡi ngựa mới, ông không buồn, nói biết đâu là việc phúc. Khi triều đình bắt trai tráng đi lính, con ông què nên được ở nhà. Thành ngữ *Tái ông thất mã* 塞翁失馬 (ông ở biên tái mất ngựa) có nghĩa là việc họa phúc trong đời không sao có thể đoán trước.

Trăm năm gẫm khéo bận lòng,
Rủi may âu cũng sắc không đó là.

5. Lửa phiền cháy ma ha [61] rưới tắt,
Nước triều dưng thuyền bát [62] sẵn chờ.
Tiên ông có bộ thiên thơ,[63]
Ai người sứ mạng huyền cơ mở màn.[64]

6. Học phải hiểu hành tàng hư thiệt,[65]
Hành cần tri bí quyết nhiệm mầu.
Con đường đạo lý cao sâu,
Cứu nhơn, cứu vật trong bầu trần gian.

[59] *Chày kình*: Chày gỗ để dộng chuông, ở đầu chày chạm hình cá kình.

[60] *Thu không* 收空: Tiếng chuông thu không đánh vào lúc chiều tối, báo cho biết đã hết ngày, đóng cửa chùa lại.

[61] (Nước) *ma ha*: Ma ha thủy 摩訶水, nước thánh, nước phép.

[62] *Thuyền bát*: Thuyền bát nhã, thuyền đạo, thuyền từ cứu khổ.

[63] *Thiên thơ* 天書: Sách trời, ám chỉ thiên cơ, kế hoạch của Tạo hóa.

[64] *Huyền cơ* 玄機 *mở màn*: Vén màn bí mật để thấy bộ máy huyền bí của Trời (thiên cơ).

[65] *Hành tàng* 行藏: Đức Khổng Tử nói với Nhan Uyên: "Nếu người ta dùng mình làm quan thì mình đem đạo lý ra thi hành; nếu không dùng mình thì mình ở ẩn [với đạo lý]." 用之則行, 舍之則藏. (*Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng*.) *Luận ngữ* (Chương 7: Thuật nhi). *Hành* đồng nghĩa với *xuất*, ám chỉ hành động hay nhập thế. *Tàng* đồng nghĩa với *xử*, ám chỉ ẩn dật hay xuất thế.

Trong bài này *hành* có nghĩa là những việc trời đất hiển bày và *tàng* là những việc ẩn vi của trời đất, con người không nhìn thấy. Kinh Cao Đài hay nói tới *máy hành tàng* tức là thiên cơ (máy trời), ám chỉ sự vận chuyển trong vũ trụ.

7. Tài Nghiêu Thuấn [66] trị an thiên hạ,
Đức Trọng Ni [67] chứng quả thánh nhơn.
Là do nhứt quán lý chơn,
Lập đời trị nước giáo dân thái bình.

8. Nào phải cậy phù [68] linh phép lạ,
Có màng chi hoán võ hô phong,[69]
Văn vương cầm tội vẽ vòng,[70]
Phải chăng lý đạo ở trong lòng người?

9. Đồng linh tánh đất trời ban phú,
Cũng hình hài phụ mẫu sở sanh,
Người xưa có khác chi mình,

[66] Nghiêu Thuấn 堯舜: Vua Nghiêu là vua hiền thời thượng cổ, không nhường ngôi cho con ruột mà lại truyền ngai vàng cho ông Thuấn là một người dân tài đức. Đời Nghiêu Thuấn được xem là đời thượng nguơn thánh đức, thái bình thịnh trị. Vua Nghiêu được tôn làm Thiên quan tứ phước 天官賜福 (quan nhà trời xuống trần ban phước cho dân chúng).

[67] *Trọng Ni* 仲尼: Tên tự của Đức Khổng Tử 孔子 (tên thật là Khổng Khâu 孔丘, tên thụy là Chí thánh Tiên sư 至聖先師).

[68] *Phù* 符: Lá bùa.

[69] *Hoán võ (vũ) hô phong* 喚雨呼風: Cũng nói *hô phong hoán vũ* 呼風喚雨 (gọi gió kêu mưa), ý nói làm pháp thuật.

[70] *Văn vương cầm tội* 文王擒罪 *vẽ vòng*: Văn vương họ Cơ, tên Xương, là người xây dựng nền móng triều đại nhà Chu. Ông là vị vua thánh, hiền đức, không xây nhà tù nhốt kẻ phạm tội, chỉ vẽ một vòng tròn trên mặt đất buộc tội nhân phải ở yên trong đó, không được bước ra ngoài. Ông thi hành chính sách khoan dung, nhân hậu; giảm bớt tiền thuế; mặc quần áo dân dã ra đồng để khuyến nông; quan tâm bệnh tật, nỗi khốn khổ của người cô quả già yếu. Ông ra lệnh: *Một người có tội, không được để người khác liên lụy*.

Phật tiên, thần thánh trong hình phàm phu.

10. Muốn đắc quả cần tu chánh đạo,
Muốn độ đời hoài bão [71] chánh tâm,
Xét xem cơ chỉ [72] chớ lầm,
Làm người cho vẹn mới tầm vị ngôi. [73]

11. Đại linh quang giống Trời gieo xuống,[74]
Tiểu linh quang kiết chưởng [75] hóa sanh.
Càn khôn tóm một thân hình,[76]
Chuyển luân thuận nghịch vận hành tương tri.[77]

12. Hằng nói Đạo vô vi, vô tướng,

[71] *Hoài bão* 懷抱: Ôm ấp trong lòng một ước muốn, một lý tưởng.

[72] Nghĩa 1: *Cơ chỉ* 基旨 − *Cơ* là nền tảng (căn bản), *chỉ* là mục đích (tôn chỉ). Nghĩa 2: *Cơ chỉ* 基址− Nền nhà, nền móng, nền tảng, căn bản (*cơ* 基 và *chỉ* 址 đồng nghĩa).

[73] *Tầm vị ngôi*: Tìm kiếm ngôi vị tiên thánh ở cõi trời.

[74] *Đại linh quang* 大靈光 *giống Trời gieo xuống*: Thượng đế là Đại linh quang, một điểm linh quang từ Thượng đế tách ra đi vào trần gian để tiến hóa. Điểm linh quang ấy là hạt giống của Trời gieo xuống. Mỗi người là một tiểu linh quang 小靈光.

[75] *Kiết chưởng* 結種 (kết chủng): Hạt giống (chủng) nảy sinh (kết). Ở đây tiểu linh quang ví như hạt giống của Trời sau khi được gieo thì nảy mầm và sanh hóa.

[76] *Càn khôn* 乾坤 *tóm một thân hình*: Con người là vũ trụ nhỏ (tiểu càn khôn), trời đất là vũ trụ lớn (đại càn khôn). Theo đạo học, ở vũ trụ bên ngoài có thứ gì thì bên trong thân người cũng có thứ đó tương đồng.

[77] *Chuyển luân thuận nghịch vận hành tương tri*: Vì thân người là tiểu thiên địa, nên người luyện đạo đúng mức có thể tương tri 相知 (cùng giao cảm mà biết được) sự chuyển động của vũ trụ bên ngoài.

Lại vô hình, vô tượng, vô danh,[78]
Hữu vô lý Đạo suy rành,
Mới mong thấu triệt [79] máy linh nhiệm mầu.[80]

13. Cơ sinh dục [81] quát bao [82] trời đất,
Ở đất trời phân đặt tượng hình,
Chở che khắp cả vạn linh,
Ấy là hình Đạo dưỡng sinh muôn loài.

14. Bóng nhựt nguyệt vần xây [83] ngày tháng,
Tiếng sấm vang mưa thuận gió hòa,
Một hàn, một thử lại qua,[84]
Đó thiệt tình Đạo chan hòa nhơn gian.

15. Nam, chỗ đặt ngôi càn dương vị,
Nữ, gọi khôn, là lý âm dương,
Cảm giao biến hóa khôn lường,
Phải chăng danh Đạo biểu dương cơ mầu?

16. Luận vô hữu cao sâu huyền bí,
Tìm hữu vô yếu lý thậm thâm,
Chủ nhơn ông [85] thử kiếm tầm,
Cho thông chỗ hữu, khỏi lầm chỗ vô.

[78] *Vô tướng* 無相, *vô hình* 無形, *vô tượng* 無象 đồng nghĩa là không có hình thể. *Vô danh* 無名 là không có tên gọi.

[79] *Thấu triệt* 透徹: Hiểu biết thông suốt.

[80] *Máy linh nhiệm mầu*: Cơ thể con người là bộ máy rất linh diệu, nhờ thế người phàm có thể tu luyện để trở thành tiên phật.

[81] *Cơ sinh dục*: Bộ máy sinh ra và dưỡng nuôi muôn loài.

[82] *Quát bao*: Bao quát, bao trùm tất cả.

[83] *Vần xây*: Xoay vần.

[84] *Một hàn* 寒, *một thử* 暑 *lại qua*: Một lạnh một nóng (âm dương) thay nhau.

[85] *Chủ nhơn ông*: Chân tâm, cái tâm làm chủ thất tình lục dục, không để cho mười ba thứ tình cảm phàm tục đó sai khiến.

17. Đuốc chơn lý viễn đồ [86] soi sáng,
Ngọn tâm đăng [87] chói rạng bổn nguyên,[88]
Thiên đình có phật, thánh, tiên,
Đều do hạt giống nhơn duyên cõi trần.

18. Linh hồn mượn xác thân ẩn trú,
Xác thân cần phụ mẫu dưỡng nuôi,
Thâm ân ví tợ đất trời,
Ngọn rau tấc đất trên đời nặng mang.

19. Đó là hữu trong toàn vũ trụ,
Còn lý vô là thú tuần huờn,
Khuyên người học hiểu căn duơn,[89]
Thực hành lý Đạo lập trường tu thân.

20. Lý Đạo vốn muôn phần sáng tỏ,
Bạch Ngọc Kinh một ngõ đi về.
Độ đời nhờ đạo giác mê,
Đạo không tư kỷ,[90] không vì cá nhân.

21. Lập hội thánh, tinh thần cao cả,
Dựng nền nhân, công quả dạn dày,
Việt Nam lịch sử hậu lai,[91]
Công phu lớn nhỏ trong ngoài đạo tâm.

22. Bảng Cao Đài nghìn năm rạng rỡ,
Cõi Dương Đông muôn thuở thái bình,

---

[86] *Viễn đồ* 遠途: Đường xa, ám chỉ đường dài tu học để giải thoát.

[87] *Tâm đăng* 心燈: Đèn lòng, ám chỉ trí huệ.

[88] *Bổn nguyên* 本源: Gốc và nguồn.

[89] *Căn duơn* 根緣: Căn duyên, nguyên nhân sâu xa.

[90] *Tư kỷ* 私己: Có tính cá nhân, riêng tư.

[91] *Hậu lai* 後來: Tương lai 將來, mai sau.

Huệ Khải *chú thích.* **Lê Anh Minh** *hiệu đính chữ Hán.*

Ban ơn cậy có huyền linh,
Cho toàn dân chúng trong tình thương yêu.

23. Giữa canh thâu tỏ nhiều tâm sự,
Chúc chư hiền một chữ thành công,
Chư đệ tử hưởng ân hồng,
Nhớ lời Thầy dặn hợp đồng lo tu.

Chư hiền đệ, hiền muội! Cuộc lễ sau phần chư tiên chứng chiếu kể như đã hoàn tất viên mãn. Tiên huynh nghĩ vì cuộc hội ngộ hôm nay, tuy giữa kẻ tiên người tục, nhưng đã đánh dấu quý báu vô cùng. Để kỷ niệm một ngày đoàn viên nên Tiên huynh đã luận đàm có nhiều khía cạnh, để chư hiền muội, hiền đệ cũng như đệ tử ghi lấy, suy nghiệm làm tài liệu học tập trên bước đường tu thân hành đạo. Trước sự xả thân giúp đời của chư đệ muội, Thiêng liêng đều theo dõi hộ trì, bên cạnh đã có Tiên huynh cùng các hàng tiền bối quá vãng dắt dìu.

(. . .)

Các đệ tử nên nhớ, sau khi xả đàn, hãy đem tất cả lễ vật trên bàn yến tiệc xuống, cắt chia đồng đều cho toàn thể hiền đệ, hiền muội đồng thọ hưởng. Nhớ đừng quên và bỏ sót những người có công lao khó nhọc xa gần đối với Cao Đài Hội thánh. Nếu của lễ vật ít, hãy xắt thật nhỏ, hòa chung với khối nước lớn đem chia, cùng thọ ẩm đồng đều. Đó là phần thưởng ân huệ của Thầy cũng như chư tiên phật khi nãy còn lưu ý lại.

Những lời Tiên huynh dạy vừa qua, có nhiều khúc chiết, nhiều khía cạnh, cần được phổ biến cho tất cả mọi người xa gần đối với Cao Đài Hội thánh cùng hiểu mà tìm lý đạo.

(. . .)

THI

Canh khuya lời dạy cũng vừa xong,
Chứng chiếu đàn trung đã trọn lòng.
Từ giã ban ơn chung tất cả,
Tiên huynh trở gót lại non bồng.

Thăng.

Đã kiểm duyệt:

TUN. ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN VÔ VI
CƠ QUAN HIỆP THIÊN ĐÀI THỐNG NHỨT.

Bảo pháp Chơn quân — Tổng lý Minh đạo

Huỳnh Chơn — **Huệ Lương**

Bộ phận Hiệp thiên đài Cơ quan Phổ thông Giáo lý: *Pháp đàn:* Huỳnh Chơn; *Đồng tử:* Hoàng Mai; *Độc giả:* Huệ Chơn; *Điển ký:* Ngọc Kiều, Bạch Tuyết, Diệu Long; *Tứ bửu hộ đàn:* Diệu Lý, Diệu Hạnh; *Chứng đàn:* Ban Thường vụ Cơ quan Phổ thông Giáo lý; Ban Trị sự Cao Đài Hội thánh; *Chưởng nghiêm Pháp quân:* Thiện Bảo, Đạt Minh; *Hầu đàn*: Đệ tử Cao Đài Hội thánh, các phái đoàn về dự lễ.

Minh họa / Illustrations

1. Ngô Văn Chiêu (1878-1932)

2. Thiên nhãn - mẫu vẽ đầu tiên ở Phú Quốc.
Hàng dọc trên chữ thập: Ngọc hoàng Đại thiên tôn Cao Đài Tiên ông.
Hàng ngang: Ngọc thanh, Thượng thanh, Chơn thanh.
God's Eye – the first drawing made on Phú Quốc island.
(Photo: Đạt Linh & Đạt Truyền)

3. Nhà bà Ngô Thị Đây ở làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho. Tiền bối Ngô Văn Chiêu đã sống ở đây trong thời niên thiếu.
Aunt Ngô Thị Đây's house in Điều Hòa village, Thuận Trị canton, Mỹ Tho province. Ngô Văn Chiêu spent his childhood there.

4. Chú Phu, Hoa kiều, chồng bà Ngô Thị Đây.
Uncle Phu, the Chinese husband of Ngô Thị Đây.

(Photos: Đạt Linh & Đạt Truyền)

5. Nhà tiền bối Ngô Văn Chiêu ở Long An ngày nay
Ngô Văn Chiêu's house in Long An province today.
(Photo: Huệ Nhẫn)

6. Nhà Lâm Tấn Đức ở Hà Tiên. / *Lâm Tấn Đức's house in Hà Tiên province.* (Ảnh tài liệu / *Documentary photos*)

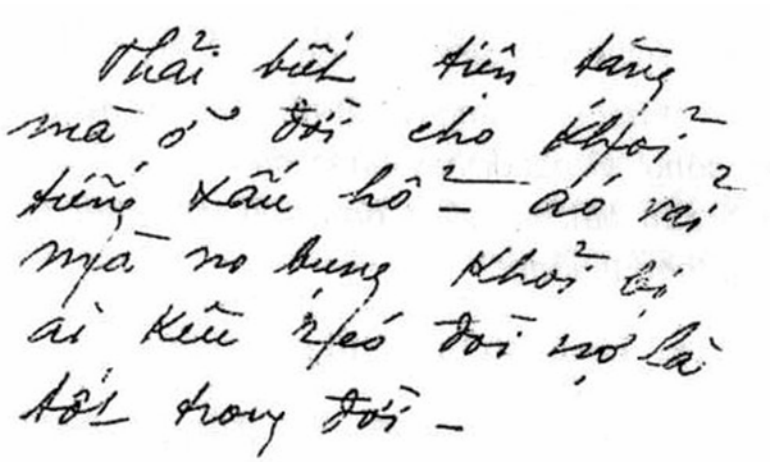

7. Thủ bút tiền bối Ngô Văn Chiêu (12-10-1924)
Ngô Văn Chiêu's autograph (12 October 1924)

8. Cao Đài Church. (Photo: Hoàng Anh Phan Văn Hoàng)

9. Lễ tang tiền bối Ngô Văn Chiêu / *Chiêu's funeral*.
(Ảnh tài liệu / *Documentary photo*)

10. Nghĩa địa Chiếu Minh / *Chiếu Minh cemetery*.
(Photo: Đạt Linh & Đạt Truyền)

11. Bửu tháp tiền bối Ngô Văn Chiêu
Ngô Văn Chiêu's three-storied hexagonal tomb.
(Photo: Đạt Linh & Đạt Truyền)

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

NGÔ VĂN CHIÊU
THE FIRST CAODAI DISCIPLE

TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN – 2008

www.tamgiaodongnguyen.com

Acknowledgement

The manuscript of this short biography was developed from chapters II and III of my book titled *Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn 1920-1926* (The beginnings of early Caodai 1920-1926. Huế: Thuận hóa pub., 1996).

I owe Chiếu Minh followers whose publication titled *Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu* (Ngô Văn Chiêu's history. Saigon: 1962) provides me with trustworthy data of the first Caodai disciple.

I am grateful to Cơ quan Phổ thông Giáo lý Đại đạo (the Organ for Universalizing Caodai Teaching) for the first volume of its series titled *Lịch sử đạo Cao Đài* (Caodai history. Hà Nội: Tôn giáo pub., 2005). Indeed, the book offers many a datum unpublicized by its antecedents.

I deeply appreciate Mr **Lê Quang Minh**'s careful revision to my English translation. Thanks to my highly respectable coreligionist's wholehearted assistance, I can feel secure about publishing it.

This thin book is a humble gift from my father, **Thiện Tâm Lê Ngọc Lưu (Minh Lưu)**, a Caodai Chiếu Minh follower. On his behalf I am respecfully placing this bilingual biodata in the hands of my honoured readers.

Vesak 2008

Huệ Khải

NGÔ VĂN CHIÊU
THE FIRST CAODAI DISCIPLE

In 1920, Caodai God began initiating His earliest disciples who contributed to the foundation of a new religion in Vietnam. The initiation (1920-1926) consisted of two phases:

- In 1920, God first chose Ngô Văn Chiêu (1878-1932), who would establish Caodai esotericism.

- In 1925, God initiated the Cao-Phạm group, later called the exoteric group, into the foundation of Caodai exotericism.

I. NGÔ VĂN CHIÊU'S SOCIAL LIFE

The first disciple of Caodai God was Ngô Văn Chiêu, commonly known by the religious name Ngô Minh Chiêu.

1. His childhood

Chiêu was the only child of an honest and poor couple. His father was Ngô Văn Xuân. His mother, Lâm Thị Quý (1858-1919), also called Lâm Thị Tiền, was from Bình Tây district, Chợ Lớn province. His parents worked at a rice mill in Bình Tây district.

Chiêu was born on 08 February 1878 in his mother's village. However, the birth date on his ID card was 28 February 1878.

He was born in a small house surrounded by a swampy

area behind a Chinese pagoda dedicated to Quan đế.[92] Built in 1873, also called Chùa Ông, the pagoda is now named Bình An and located at 242 Trần Văn Kiểu, district 6.

At the age of six, because his parents left for Hà Nội to make their living, Chiêu was sent to Điều Hòa village, Thuận Trị canton, Mỹ Tho province. He lived there with

---

[92] Quan đế (*Guandi* 關帝) has long been very famous in China, Vietnam, and other Asian countries. His name was Quan Vũ (*Guan Yu* 關羽) also called Quan Vân Trường (*Guan Yunchang* 關雲長), Quan công (*Guangong* 關公), Quan thánh (*Guansheng* 關聖), Quan thánh Đế quân (*Guansheng Dijun* 關聖帝君), Hiệp Thiên Đại đế (*Xietian Dadi* 協天大帝), Cái thiên Cổ phật (*Gaitian Gufo* 蓋天古佛), etc.

Living in the Three Kingdoms period of ancient China, Quan Vũ (?-220), Lưu Bị (*Liu Bei* 劉備, 161-223) and Trương Phi (*Zhang Fei* 張飛, ?-221) were joined by a solemn oath, sworn in Trương Phi's peach orchard, that they would thenceforward live side by side and die the same day. Long celebrated as one of the most renowned Chinese heroes, Quan Vũ was canonized from dynasty to dynasty.

In the Caodai pantheon, Quan đế is known as Tam trấn Oai nghiêm (*Sanzhen Weiyan* 三鎮威嚴, i.e., the Third Governor of Majesty), representing Confucianism. The rest of the triad are Nhứt trấn Oai nghiêm Lý Thái Bạch (*Yizhen Weiyan Li Taibai* 一鎮威嚴李太白, i.e., Li Taibai the First Governor), representing Daoism; and Nhị trấn Oai nghiêm Quan âm (*Erzhen Weiyan Guanyin* 觀音二鎮威嚴, i.e., the Second Governor), representing Buddhism.

his father's only younger sister, Ngô Thị Đây. Her Chinese spouse, called Phu, owned a shop selling Chinese medical herbs and timber. The couple had no children; therefore, they were willing to take care of their little nephew and sent him to school at his age of ten.

At the age of twelve, with the help of đốc phủ sứ Lê Công Xũng (1853-1920), a high-ranking official at the provincial chief's palace (Inspection de Mỹ Tho), Chiêu applied for admission to collège le Myre de Vilers as a boarder. Established on 17 January 1879, the collège was originally named collège de Mỹ Tho, then collège le Myre de Vilers (14 June 1881), and finally Nguyễn Đình Chiểu high school (since 1953).

Later, Chiêu attended collège Chasseloup-Laubat in Saigon. Established on 14 November 1874, the collège was changed into lycée Chasseloup-Laubat (1928), then lycée Jean Jacques Rousseau (1958), and finally Lê Quý Đôn high school (since 1966).

At the age of twenty-one he graduated and was awarded a diploma (diplôme d'études primaires supérieures), which qualified him for the civil service in 1899.

Studying Ngô Văn Chiêu's background, Professor R. B. Smith (School of Oriental and African Studies, University of London) remarks on him as follows: "*Vietnamese cultural and religious influence inevitably counted for much more in his life than his French education*." [93]

2. His life as an official (1899-1931)

The chronological chart below offers a glimpse of Ngô Văn Chiêu's life as an official:

[93] R.B. Smith, *"An introduction to Caodaism", BSOAS.* University of London, Vol. XXXIII, Part 2, 1970, p. 338.

23 March 1899: Working for Service d'Immigration (Immigration Service) in Saigon, at a salary of 200 piasters.

14 July 1901: Promoted to third-class auxiliary secretary for Service d'Immigration, at a salary of 250 piasters. (Auxiliary secretaries were classified into three scales.)

01 January 1903: Transferred to Gouvernement de la Cochinchine, under the tenure of Governor François Pierre Rodier. When Chiêu left the Gouvernement (April 1909), the Acting Governor was Ernest Antoine Outrey.

14 July 1904: Promoted to second-class auxiliary secretary for Service d'Immigration, at a salary of 300 piasters.

14 July 1908: Promoted to first-class auxiliary secretary for Service d'Immigration, at a salary of 480 piasters.

01 May 1909: Transferred to Tân An province and worked at the provincial chief's palace (Inspection de Tân An). He took his mother there.

14 July 1910: Promoted to third-class principal secretary for Inspection de Tân An, at a salary of 540 piasters. (Like auxiliary secretaries, principal secretaries were classified into three scales.)

01 January 1913: Promoted to second-class principal secretary for Inspection de Tân An, at a salary of 600 piasters.

01 January 1916: Promoted to first-class principal secretary for Inspection de Tân An, at a salary of 660 piasters.

01 January 1917: Having passed an administrative examination, he became a second-class tri huyện (a district

chief), still working for Inspection de Tân An. (Tri huyện was classified into two scales.)

15 November 1919: His mother deceased.

01 March 1920: Transferred to Hà Tiên province after the one-hundred-day memorial service for his mother.

14 July 1920: Promoted to first-class tri huyện, at a salary of about 1,222 piasters.

26 October 1920: Transferred to Phú Quốc island in the Gulf of Thailand, working there as a district chief.

01 January 1924: Promoted to second-class tri phủ, at a salary of 1,672 piasters. (Like tri huyện, tri phủ was classified into two scales. Tri phủ was lower than đốc phủ sứ.)

29 July 1924: Leaving Phú Quốc for Saigon, and working again for Gouvernement de la Cochinchine under the tenure of Governor Auguste Tholance. His office (the second bureau) was in charge of civil affairs like road and house construction, provision, and pricing, etc.

01 July 1926: Promoted to first-class tri phủ, at a salary of 1,933 piasters.[94]

December 1931: Retiring from Gouvernement de la Cochinchine under the second tenure of Eugène Henri Eutrope, Acting Governor in the absence of Governor Jean Félix Krautheimer. He went to Cần Thơ province for convalescence.

As a high-ranking official in French Cochinchina, Ngô Văn Chiêu was so humble. Descended from a poor family, he always showed compassion for the poor and did not make use of his administrative position to exploit his countrymen.

The principle of this moral and honest official was *Nhứt hào vô phạm* (i.e., Never steal even one-tenth of a penny.) Talking with his friends about his high rank, he once named it "*la bolée de riz administrative"* – the bowl of administrative rice.[95] This French phrase reflected his attitude towards his job. Indeed, he did not care the lures of honours and riches although he was in a position to enjoy them.

Choosing a secretive and reserved way of life, Ngô Văn Chiêu did not let himself in for political affairs. Also, he did not allow the French rulers to make him go against his countrymen. As a low-salaried clerk in Saigon, to support his parents and his own family, Chiêu gave Chinese residents private French lessons in the evening; his spouse cooked some of his co-workers meals every day on monthly payment.

As a diligent district chief, Ngô Văn Chiêu usually assisted the poor, especially those who were imprisoned due to adversity. The more he won people's hearts, the more the French rulers felt unsatisfied and suspicious. That was why, in the report "*Le Caodaïsme*" (Tây Ninh province, 01 January 1932), inspector Lalaurette had no hesitation in criticizing Ngô Văn Chiêu for not wholeheartedly serving the French colonialism in

[94] On the scales of secretary, tri huyện, tri phủ, and đốc phủ sứ, see: Paulus Của, *Sách quan chế*, 1888, tr. 15.

On Ngô Văn Chiêu's examinations for administrative promotion as well as his salaries, see: Cơ quan Phổ thông Giáo lý Đại đạo, *Lịch sử đạo Cao Đài.* Vol. 1, Tôn giáo pub., 2005, p. 352. However, the salaries of second-class tri huyện (1917), and first-class tri huyện (1920) are illegible from the illustration.

[95] Đồng Tân, *Lịch sử Cao Đài.* Vol I. Saigon, 1967, p. 129.

Cochinchina. The fact that he was transferred to remote offices in Hà Tiên province and on Phú Quốc island could be an administrative measure against a civil worker who displeased the French rulers with his unwillingness to become a henchman of the colonial government.

3. His married life

When Ngô Văn Chiêu was a clerk in Saigon (circa 1903), đốc phủ sứ Lê Công Xũng expressed his wish to choose him as a son-in-law, neglecting their unequal family backgrounds. Obeying his aunt Ngô Thị Đây's advice, Chiêu wisely found a good excuse for refusing the marriage offer. Later, he married Bùi Thị Thân (1879-1955), an orphan born in Thạnh Trị village and retailer at Mỹ Tho market. During the years he was stationed in different places away from home, his moral spouse devotedly took care of their children.

In all, she gave birth to nine children. The two first daughters were Ngô Thị Ngữ (died five days after birth in Mỹ Tho province), and Ngô Thị Hồng (born and died in Saigon at the age of three). The next seven children were born in Tân An province. The two daughters were Ngô Thị Yến Ngọc or Lợi (born 1904), and Ngô Thị Nguyệt (born 27 May 1906). Following were five sons: Ngô Văn Nhựt (born 10 September 1908), Ngô Văn Tinh (born 20 November 1910), Ngô Tường Vân (born 01 September 1913), Ngô Thanh Phong (born 15 November 1915), and Ngô Khai Minh (born 09 September 1920).

In spite of his honest poverty and large family, his religious life was not hindered. His spouse's silent help was really so considerable. She passed away in Tân An province on 30 December 1955.

Transferred to Tân An province (1909), Chiêu rented a

house on a river bank, near Quan thánh pagoda.[96] His mother lived there with him but his father lived in Saigon with the second wife.[97] Later, Chiêu paid sixty piasters for a thatched house on rented land, at 31 Lagrange street, Bình Lập commune (today 27 Phan Đình Phùng street, Tân An town, Long An province). Gradually, he had it rebuilt with a tiled roof.

When Chiêu was transferred to Hà Tiên province (1920), his spouse and children still lived in Tân An province. Returning to Saigon (1924), he stayed at a hotel named Bá Huê Lầu [98] on Pellerin street (today Pasteur), and then changed his lodging several times.

Throughout his final twelve years away from his family, Ngô Văn Chiêu led a spouseless life and practising meditation taught by Caodai God. However, he did not fail to do his duty for his family: sharing his monthly salary with his spouse and children, saving money for the repair of his house in Tân An province.

Ngô Văn Chiêu used to ask some of his poor neighbours to do very odd jobs and thereafter paid them highly for their miscellaneous services. This was his subtle way, i.e., to conceal his assistance to others skilfully.

As a judge in his own administrative zone, he was

---

[96] See footnote 92, p. 64.

[97] *Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu*. Saigon: 1962, p. 15.

On 04 September 1946, officials of Lợi Bình Nhơn village, Hưng Long canton, Tân An province, certified that Mr Ngô Văn Xuân had deceased there without death registration. (Cơ quan Phổ thông Giáo lý, *Lịch sử đạo Cao Đài*. Vol. 1, p. 53, footnote 15.)

[98] Bá Huê Lầu: *Baihua lou* 百花樓, i.e., Hundred flowers pavillion.

never involved in bribery. He used to reconcile both the accuser and the accused in trifling cases so that they could avoid exploitation by court clerks. Those who were poor, oppressed, helpless and who had been done unjustices, would be undoubtedly assisted.

Ngô Văn Chiêu himself investigated the murder of a peasant at Thái Bình village, Mộc Hóa canton, Tân An province. The criminal, who was the village chief, colluded with a canton chief to cover up the truth; thus, the case did not come up for trial during the two previous district chiefs' tenure. Thanks to Chiêu's justice, the murderer had to plead guilty.

To perform corvée labour, a thief prisoner had to pull a ceiling fan at Chiêu's residence. He cried, asking the district chief to let him return home to hold the funeral of his father. Feeling compassion for the filial man, Chiêu gave consent. The prisoner turned himself in after three days as promised.

A buglar was caught while breaking into Chiêu's house. After having kindly but severely advised the buglar of what was wrong and right and to mend his ways, he gave him some money and let him go.

He was tolerant towards outsiders but severe with his children. His teenage children once complained about his generosity towards outsiders instead to his own offspring. He calmly explained, "You should not be so demanding since you all have enough food and clothing. I help the poor to bequeath divine blessings to you all."

Ngô Văn Chiêu usually reminded his children of the saying *Quan nhất thời, dân vạn đại* [99] (i.e., transitory is a mandarin's tenure, generation after generation the people), or the saying *Thuyền dời chớ bến không dời* (i.e., a boat can leave but a wharf cannot). He implied that his children should not depend on their father's power to do wrong. Little Ngô Văn Nhựt, the fifth child, together with a few boys once stole watermelons for fun. They all were arrested. Chiêu ordered the police to let the others go, but hold his own child until late that evening.

Chiêu was very economical. From Saigon, he sent a letter dated 12 December 1924 to Ngô Thị Yến Ngọc and Ngô Thị Nguyệt in Tân An province, asking the two daughters to mend his old clothing. He advised them, "*Be thrifty enough so as not to feel ashamed in life. Wearing simple clothing, but free from hunger and debts, is a good lifestyle*." [100]

The above biographical sketch of Ngô Văn Chiêu shows that he was a good example of human-being right way in fulfilling his duties towards his family, society, and countrymen. Choosing a simple lifestyle, this benevolent official could transcend mediocrities of life.

With a virtuous background, he was in a favourable condition to step on the path of liberation from samsara. Yet, he did not follow any faith until the age of forty-three (1921) when he was under the direct instruction of Caodai God through evocation séances.

II. CHIEU'S PATH TO CAODAI GOD

1. Attending spirits evoking séances

His religious bent showed early in his childhood. His

[99] Quan nhất thời, dân vạn đại: *Guan yishi, min wanda* 官一時, 民萬代.

[100] Cơ quan Phổ thông Giáo lý, *Lịch sử đạo Cao Đài*. Vol. 1, p. 56.

Chinese uncle in Mỹ Tho province built a shelf at home to worship Quan thánh;[101] therefore, Chiêu gradually got familiar with everyday incense offer and recitation of a scripture titled *Minh thánh kinh*.[102] This thin booklet appeared as one of Daoist morality books [103] bestowed by Quan thánh at a spirit evoking séance during the Qing 清 dynasty (China). It has long been popular in Cochinchina under different titles as well as in various Vietnamese versions.[104]

Besides, the little boy also observed two vegetarian days every lunar month, on the first and the fifteenth days. Chiêu did not stop reciting Minh thánh scripture until 1920 when he was on Phú Quốc island and was instructed to practise meditation by Caodai God.

Ngô Văn Chiêu trusted in spirit evocation at the age of twenty-four. Before his initiation into Caodaism, he attended several séances in various situations.

In 1902, to pray for his mother's longevity, Ngô Văn Chiêu participated in Minh Thiện evocation séance held at Thanh An pagoda in Thủ Dầu Một province. An immortal bestowed him a four-line poem.

In 1917, because of his mother's serious illness, Ngô Văn Chiêu attended an evocation séance held at Hiệp Minh, Cái Khế, Cần Thơ province.[105] When he arrived,

[101] See footnote 92, p. 64.

[102] Minh thánh kinh: *Mingsheng jing* 明聖經.

[103] Morality books: thiện thư (*shanshu* 善書).

[104] On the scripture titled *Minh thánh kinh*, see: Lê Anh Dũng, *Quan thánh xưa và nay*. Hà Nội: Văn hóa - Thông tin pub., 1995.

[105] After having controlled Western Cochinchina (1867), French colonial rulers split An Giang province into six provinces: Bạc

the séance had started and a spirit was preaching through a medium using a beaked basket. He had to stay outside. Unexpectedly, the spirit allowed him to enter. Then, he was granted two divine poems and his mother a prescription. The first poem, which was a 6-8-word verse, consisted of fourteen lines. Later, perhaps obeying a divine command, Ngô Văn Chiêu added four more lines to turn the poem into a spirit evoking prayer.

Two years later (1919), when his mother got seriously sick, Chiêu returned to Hiệp Minh séance once more, but the spirit bestowed only a long poem, not a prescription. Then he attended Minh Thiện evocation séance in Thủ Dầu Một province and Quan thánh spirit bestowed a four-line poem, still not a prescription. At the end of the year, his mother paid her debt to nature.

2. Hearing the name Caodai the first time (1920)

Circa January or February 1920, before his transfer to Hà Tiên province, Ngô Văn Chiêu often held evocation séances with some Tân An province inhabitants like Đoàn Văn Kim (1868-1946), Lê Kiển Thọ (1868-1946, village registrar), Nguyễn Văn Vân (1893-1981, elementary teacher), Trần Phong Sắc (1873-1928, elementary teacher, playwright, and prolific translator of Chinese novels into Vietnamese).

During those séances, their tasks were as follows:

- *Pháp đàn* (séance protector): Trần Phong Sắc (writing magic symbols to protect an evocation against evil powers).

- *Đồng tử âm* (yin medium): Lê Kiển Thọ. *Đồng tử dương* (yang medium): Nguyễn Văn Vân. (Together the

Liêu, Cần Thơ, Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, and Sóc Trăng.

couple held a beaked basket to write words on a table top surface.)

- *Điển ký* (jotting-down person): Đoàn Văn Kim (jotting down a spirit's message received through the couple of mediums holding the beaked basket).

- *Độc giả* (dictating person): Ngô Văn Chiêu (watching the words written on the table top surface with the beaked basket and dictating them to the jotting-down person).

During a séance at Ngô Văn Chiêu's house, an immortal descended under the name of Cao Đài Tiên ông.[106] He asked Trần Phong Sắc to correct a line of the spirit evoking prayer (*Ngũ chơn bửu khí lâm trần thế*). Sắc was disobedient, so the alternative was Chiêu, whose correction (*Bửu chơn ngũ khí lâm trần thế* 寶真五氣臨塵世) was praised by the immortal.

Wondering about the immortal's identity, they asked who he was and then received the response as follows:

Cao Đài ứng hóa theo lòng chúng sanh,
Đố ai biết được cái danh Cao Đài.

(Caodai God's revelation depends
on all beings' wish,
Guess what Caodai means.)

Variants are often found in spirits evoking prayers handed down from Chinese Daoist scriptures, one of which is *Vạn pháp quy tông*.[107] Quite similar to Chiêu's correction is line 9 (*Ngọc chơn bửu khí lâm trần thế* 玉真寶氣臨塵世), which can be found in a forty-six line prayer provided by La Thành Đầm, a customs house clerk, in his booklet titled *Thần chú thỉnh tiên* (Immortals evoking incantation), printed by Phát Toán (Saigon 1907, pp. 3-4).

[106] Cao Đài Tiên ông: *Gaotai Xianweng* 高臺仙翁, i.e., Caodai the Immortal.

[107] Vạn pháp quy tông: *Wanfa guizong* 萬法歸宗, i.e., all doctrines return to their common ancestor.

3. Hearing the name Caodai the second time (1920)

After the one-hundred-day memorial service for his mother, Ngô Văn Chiêu was transferred to Hà Tiên province. There, he used to ascend to Thạch Động mountain to evoke spirits. A lady immortal named Ngô Kim Liên sent him two spirit messages in verse advising him to begin a religious life.

Together with Cao Văn Sự and Nguyễn Thành Diêu, on Sunday night 26 September 1920 (mid-autumn), Ngô Văn Chiêu held a séance at Lâm Tấn Đức's house. Then, Caodai God bestowed them a four-line poem including their given names.

Childless Lâm Tấn Đức (1866-1934, style Hữu Lân) was elder brother of Lâm Tấn Thoại, who was father of Đông Hồ Lâm Tấn Phác (1906-1969), a famous poet from Hà Tiên province.

4. Studying meditation (1921)

Ngô Văn Chiêu left Hà Tiên province for Phú Quốc island on Tuesday 26 October 1920.

On this island, he usually held séances on Dương Đông mountain, at a Minh Sư priests' pagoda named Quan Âm [108] about half a kilometre from his residence.

[108] Minh Sư: *Mingshi* 明師. Quan Âm: *Guanyin* 觀音, i.e., Avalokitesvara.

Pagodas of Minh Sư are called *Phật đường*.[109] Ignoring this, in their reports, French colonials' secret agents and inspectors often referred Minh Sư as *đạo Phật đường*. Quan Âm pagoda belonged to a Minh Sư sect named Hoằng Tế.[110]

During a séance at the end of 1920, a hidden-named immortal descended, asking Ngô Văn Chiêu to become his disciple. The spirit also advised him to stop reciting Minh thánh scripture. Until then, Chiêu still kept two vegetarian days a month. Therefore, when the immortal told him to have ten vegetarian days a month in order to practise meditation, he was reluctant for fear that his social position might keep him from observing vegetarianism.

On the first day of the new lunar year (Tuesday 08 February 1921), at Quan Âm pagoda, he had no chance to express his worry because the immortal commanded, "*Chiêu, perpetually follow vegetarianism for three years!*" He could say nothing but begged for his spiritual master's assistance.

Members of Caodai Chiếu Minh, who follow Ngô Văn Chiêu's meditation method, have chosen the first day of each new lunar year to celebrate his commencing perpetual vegetarianism for meditation practice.

The other three anniversaries are as follows:

- The seventh of the first lunar month (his birthday).

- The fifth of the third lunar month (in commemoration

[109] Phật đường: *Fotang* 佛堂, i.e., Buddha's hall.

[110] Quan Âm pagoda: also called Quan Âm Phật đường 觀音佛堂, i.e., *Guanyin Fotang*.

Tông Hoằng Tế: *Hongji zong* 弘濟宗.

of his first spirit message given at a Cần Thơ séance while still physically staying in Saigon).[111]

- The thirteenth of the third lunar month (his decease).

After that new year day, Ngô Văn Chiêu was initiated into the hidden-named immortal's meditation method. As a beginner on the esoteric path, besides the invisible master's instructions, he was helped by Thái lão sư Tùng Ngạc, a Minh Sư high-ranking dignitary, who was also an expert in meditation practice.

During a séance at Minh Đức meditation house (Vũng Tàu city) on Thursday 13 March 1980, this event was confirmed by Great immortal Ngô Minh Chiêu as follows: *"Caodai God chose me as His first disciple. Depending on my background, social life, and age, Heavenly Father sent a friend to assist me in meditation practice. The method has been handed down since time immemorial but it is now modernized and called Caodai new meditation. It provided liberation from samsara for me, the first Caodai God's disciple in the Third Universal Salvation."*

Two years later, also at Minh Đức meditation house, on Friday 23 July 1982, a spirit named Minh Đức Đạo nhơn brought the fact to light, *"Due to invisible master, a physical helper is still required. For instance, in the earliest days of Caodaism, God also needed Thái lão sư Tùng Ngạc, who helped Great immortal Minh Chiêu with meditation techniques during His lifetime."*

5. The God Eye's appearance (20 April 1921)

The hidden-named immortal advised Ngô Văn Chiêu not to reveal anything about his meditation practice. He did not know any specific ritual devoted to his spiritual

[111] See *His attainment to Dao*, p. 90.

master. One day, the immortal ordered him to devise a sacred symbol for the new faith. Chiêu first suggested a cross.

The Book of Change (the Great Commentary, part I) has this line: 一陰一陽之謂道 (One yin and one yang are called Dao.) To symbolize the conception of Dao in the way of harmonious combination of yin and yang, the oriental mystics have traditionally adopted a cross. The horizontal stroke stands for yin; the vertical, yang.

However, the immortal asked Chiêu to think of another symbol because the cross is an emblem of Catholicism. He asked his master for a one-week delay, but he could not conceive anything at all.

On Wednesday morning 20 April 1920 (the thirteenth of the third lunar month), around 8.00 a.m., sitting in his hammock slung at the rear of his residence and looking at the open sea, suddenly he caught sight of a large lifelike left eye which was encircled by radiant beams in the sky and full of splendour.

Frightened by such a vision, he hid his eyes in his hands. After a while, he lowered his hands and still saw the same sight. Then, he joined his hands praying for the immortal to make the eye disappear if he was ordered to worship it. Strange enough, thereafter, its brightness waned gradually and finally faded away.

But, in his heart, he still had some hesitation. As a result, the same eye came to sight again some days later and it would not disappear until he prayed and promised to worship it.

6. Hearing the name Caodai the third time (April 1921)

A few days after the second happening of the Divine Eye, Ngô Văn Chiêu attended an evocation séance at Quan Âm pagoda. The immortal instructed him to draw what he had seen for worship.

On this occasion, the immortal revealed his great name *Cao Đài Tiên ông Đại bồ tát Ma ha tát*, i.e., Caodai the Immortal Mahabodhisattva Mahasattva,[112] and ordered Chiêu to address Him as *Thầy* (Master).

Chiêu heard the name Caodai twice in Tân An and Hà Tiên provinces (1920). Furthermore, the term Caodai was mentioned whenever he recited the spirit evoking prayer in Sino-Vietnamese, a line of which was *Cao Đài tiên bút thư văn tự* 高臺仙筆書文字 (The Caodai immortal pen writes sacred words).

Using *Ấu học Quỳnh Lâm* [113] to learn Chinese, the Cochinchinese were familiar with the term Caodai. Originally compiled by Cheng Dengji 程登吉 under the Ming 明 dynasty (1308-1644), the book was supplemented by Zou Shengmai 鄒聖脈 under the Qing 清 dynasty (1644-1911).

Quỳnh (qiong 瓊) is a kind of red jade. Quỳnh Lâm (Qionglin 瓊林, i.e., jade forest) was the garden where the Song 宋 emperors held banquets in honour of new tiến

112 Cao Đài Tiên ông Đại bồ tát Ma ha tát: *Gaotai Xianweng Dapusa Mahesa* 高臺仙翁大菩薩摩訶薩.

113 Ấu học Quỳnh Lâm: *Youxue Qionglin* 幼學瓊林, i.e., Jade forest of childhood learning.

sĩ.[114] The author implied that the children using his textbook would become tiến sĩ and attend the royal banquet at the Quỳnh Lâm garden.

In the autumn of 1912, a Shanghai 上海 book distributor named Quảng Ích thư cục [115] released Ấu học Quỳnh Lâm onto the market. The book (about 15x26cm) was a lithographic edition by Thiên Bảo bookstore,[116] in four volumes. Of the twelve chapters of the second volume, the chapter Thân thể,[117] page 21, had a supplemented sentence that reads, *Cao đài viết đầu* (Caodai is the head).[118] Its annotation reads, *[Phật kinh] Đầu vi cao đài* (In Buddhist scriptures the head is called Caodai).[119]

7. The significance of the séance at Quan Âm pagoda

Ngô Văn Chiêu heard the name Caodai the Immortal Mahabodhisattva Mahasattva at the April 1920 séance at Quan Âm pagoda. The séance, therefore, is very significant because it established indispensable elements of a religion. In other words, the séance helped to confirm that Caodaism as a latent religion was shaped right in 1921

114 Tiến sĩ: *jinshi* 進士, i.e., successful scholars who just passed an advanced civil service examination.

115 Quảng Ích thư cục: *Guangyi Shuju* 廣益書局.

116 Thiên Bảo: *Tianbao* 天寶.

117 Thân thể: *shenti* 身體, i.e., body.

118 Cao đài viết đầu: *Gaotai yue tou* 高臺曰頭.

119 [Phật kinh] Đầu vi cao đài: *[Fojing] Tou wei gaotai* [佛經] 頭為高臺.

with initial elements as follows:

- *Founder* (spiritual): God, under the name of Caodai the Immortal Mahabodhisattva Mahasattva.

- *First disciple*: Ngô Văn Chiêu.

- *Doctrine*: esoteric teaching or meditation method, also called Caodai new meditation (*tân pháp Cao Đài*).

- *Holy icon*: the God's Eye.

- *Philosophy*: the name Caodai the Immortal Mahabodhisattva Mahasattva presents the syncretism of Confucianism (Caodai), Daoism (Immortal), and Buddhism (Mahabodhisattva Mahasattva).

- *Literature*: Some prayers recited before the altar four times a day.[120]

Thus, several important events occurred at Quan Âm pagoda. It was built by Huỳnh Đăng Khoa [121] and Đỗ Minh Châu (also called Cả Bốn). The latter handed it down to his son Đỗ Kim Cự, who later passed it down to Đỗ Văn Đồ (also called Tám Gia).

Due to his abnormal temperament, Đỗ Văn Đồ disturbed some evocation séances. Hence, after half a year at Quan Âm pagoda, Ngô Văn Chiêu moved to Sùng Hưng pagoda owned by Buddhist monk Thích Ngộ Tiên (1885-1946), about 200 metres from Quan Âm pagoda.

Lacking care, Quan Âm pagoda gradually fell into ruin. In order to preserve a historical vestige of the Caodai earliest days, in 1961 some Caodai Chiếu Minh followers

120 Lê Anh Dũng, *Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn 1920-1926.* Huế : Thuận hóa pub., 1996, p. 72.

121 Huỳnh Kim Chung (?-1939) was a Minh Sư priest whose religious name was Huỳnh Đăng Khoa.

built a temple named Cao Đài Hội thánh (Caodai church) on the old foundation of Quan Âm pagoda.[122]

8. Three years under Caodai God's instruction (1921-1924)

On Phú Quốc island, during the three years under Caodai God's instruction, Ngô Văn Chiêu devoted himself to meditation.

In mid 1924 he was transferred to Saigon. Caodai God bestowed a twenty-line poem in praise of His first disciple, for example:

In three years long, faithfully following Me,
Despite innumerous difficulties,
You have practised meditation perfectly.
. . . . . .
Now that Your Master has awarded good marks for your deep merit,
In the future you will ride a dragon back to the origin.

9. A hermit life in Saigon

Leaving Phú Quốc island on Tuesday 29 July 1924, Ngô Văn Chiêu arrived in Saigon the following day. His family was still in Tân An province. First, he stayed at Bá Huê Lầu hotel on Pellerin street (today Pasteur street), then changed his lodging several times. Once, he moved to Paul Bert street (today Trần Quang Khải street, Dakao, district 1); then, to Espagne street (today Lê Thánh Tôn street), near Bến Thành market. His lodging was on the first floor, and a dental surgery was on the ground floor. In 1928, his last lodging in Saigon was at 110 Bonard boulevard (today Lê Lợi boulevard). He stayed on the second floor and a Chinese resident (from Hainan 海南 island) ran a grocery on the ground floor.[123]

He had good relationship with a few Minh Sư priests on Phú Quốc island. While living in Saigon, he used to visit a Chinese pagoda named Ngọc Hoàng điện (*Yuhuang dian* 玉皇殿), originally owned by a Minh Sư priest.[124] Besides, he led a hermit life in Saigon.

At the beginning of February 1926, Caodai God instructed Ngô Văn Chiêu to start introducing the new faith. First, he helped the following four civil service employees:

- Vương Quan Kỳ (1880-1939), from Chợ Lớn province, graduating from collège Chasseloup-Laubat, working for the second bureau at Gouvernement de la Cochinchine (the same bureau as Chiêu, in charge of

[122] The old foundation was discovered in 1960 by Nguyễn Minh Truyện, member of a Chiếu Minh séance named Long Hoa, located at 113 Bùi Viện street, district 1, Saigon, not far from Cơ quan Phổ thông Giáo lý (the Organ for Universalizing Caodai Teaching). After fulfilling legal formalities of transferring her land-ownership, Huỳnh Kim Chung's daughter (named Huỳnh Thị Kính) voluntarily donated the land to Chiếu Minh followers.

[123] Cơ quan Phổ thông Giáo lý, *Lịch sử đạo Cao Đài*. Vol. 1, p. 355.

[124] In 1863, under the reign of king Tự Đức, the fifteenth patriarch of Minh Sư left China for Vietnam. He set up a pagoda named Quảng Tế Phật đường (*Guangji Fotang* 廣濟佛堂) in Hà Tiên province. Among contributors to the pagoda building was Ngô Cẩm Tuyền (who later became a top-ranking dignitary, religious name Ngô Đạo Chương). Priest Ngô set up Ngọc Hoàng điện (*Yuhuang dian*) in Dakao (1905). Then, running short of money, he sold the unfinished pagoda. Since 1982, the pagoda has been named Phước Hải tự, belonging to Vietnam Buddhist Association, located at 73 Mai Thị Lựu street, Đa Kao, district 1.

commercial affairs).

- Đoàn Văn Bản (1876-1941), from Biên Hòa province, principal of Cầu Kho elementary school (district 1).

- Nguyễn Văn Hoài, a high-ranking clerk, working at a court of justice in Saigon.

- Võ Văn Sang, a high-ranking clerk in Saigon.

III. NGÔ VĂN CHIÊU AND THE CAO-PHẠM GROUP

A year after Ngô Văn Chiêu's return to Saigon a group of civil service employees, whose native province was Tây Ninh, started practising table turning to communicate with spirits as instructed in French books of Spiritism.[125] A district chief gave an account of the wide influence of the spiritist movement in Cochinchina during the years 1924-1925 and the fact was recorded in the report *"Le Caodaïsme"* (dated 01 January 1932) by Lalaurette, Inspector of political and administrative affairs.[126]

1. The table-turning group on Arras street

Originally, the table-turning group on Hàng Dừa (Arras) street consisted of four people:

- Cao Quỳnh Cư (1888-1929) and his spouse Nguyễn Thị Hiếu (or Hương Hiếu, 1887-1971). A clerk working for Saigon Railway Office, Cư rented a house at 134 Bourdais street (today Calmette street, district 1).

- Cao Hoài Sang (1901-1971), a clerk for Saigon Customs Office, rented a house on Arras street, separated from Phạm Công Tắc's by one house.[127]

- Phạm Công Tắc (1890-1959), a clerk working for Saigon Customs Office.

A chronological sketch of the Cao-Phạm group's table-turning practice:

Friday 24 July 1925: Cao Quỳnh Cư together with Phạm Công Tắc came over Cao Hoài Sang's house to practise table turning, but in vain.

Sunday 26 July 1925: They could contact a spirit named Cao Quỳnh Tuân (1844-1896), who was Cư's father. The group practised table turning every night.

Friday 28 August 1925: At Cư's house, they contacted God in the name of AĂÂ, the first three letters of the Vietnamese alphabet.

Derived from Alpha or α (the first letter of the Greek alphabet), letter A represents the origin of the universe which is named Thái cực (Taiji 太極), symbolized with ☯. Thái cực split into yin and yang. Letters Ă and Â are variants of A, compared to yin and yang. The sign ˇ above Ă resembles the black part ☯ or yin; the sign ^ above A resembles the white part ☯ or yang of the ancient symbol ☯. In other words, AĂÂ represents Thái cực and yinyang. Like Thái cực, hence, AĂÂ represents an impersonal God.

Mid-September 1925: The Cao-Phạm group started using a beaked basket for evocation as handed down by Daoists.

Tuesday 15 December 1925: Cao Quỳnh Cư, Phạm

---

[125] Table turning: also called table tipping; or *la table tournante, la table frappée* (in French).

[126] *"Une véritable vague de spiritisme sévissait en 1924-1925 dans toute la Cochinchine."* (Lê Anh Dũng, *Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn 1920-1926.* Huế: Thuận hóa pub., 1996, p. 43.)

[127] The foundations of their two houses might be the present location of Cơ quan Phổ thông Giáo lý (at 171B Cống Quỳnh street, district 1).

Công Tắc, and Cao Hoài Sang heard the name Caodai the first time when the spirit AĂÂ commanded them to kneel outdoors the following night (the first of the eleventh lunar month). Then, as instructed by the spirit, each man held three incense sticks in his clasped hands, looked up to the sky, and prayed to Caodai God for granting them divine blessings to change for the better. They became Caodai disciples on 16 December 1925.

Monday 11 January 1926: Lê Văn Trung (1876-1934) attended a séance at Cao Quỳnh Cư's house (134 Bourdais street). He had a four-line poem bestowed by Caodai God.

Monday 18 January 1926: Obeying Caodai God's command, the Cao-Phạm group held a séance at Lê Văn Trung's house (at Quai Testard street, today Châu Văn Liêm street, district 5). Caodai God descended, and initiated Trung into the new faith.

2. The Cao-Phạm group joining Ngô Văn Chiêu

Circa the end of January 1926, Caodai God instructed the Cao-Phạm group to join Ngô Văn Chiêu in order to found Caodaism, and Chiêu was their Eldest Brother.

Chiêu helped the group with the worshiping ceremony: the holy icon (God's Eye), altar arrangement, daily prayers, etc. When holding a séance, Chiêu was the protector, Cư and Tắc were the pair of mediums, Hương Hiếu was in charge of jotting down the message.

Friday 12 February 1926, in Saigon, on new lunar year's eve, Ngô Văn Chiêu together with his brethren paid a visit to each of their houses. In turn, they dropped by Võ Văn Sang (Cầu Muối, district 1), Cao Quỳnh Cư, Vương Quan Kỳ (80 Lagrandière street, today Lý Tự Trọng, district 1), Lê Văn Giảng (85 Lagrandière street), Nguyễn Trung Hậu (Dakao, district 1), Nguyễn Văn Hoài, Phạm

Công Tắc, Đoàn Văn Bản (42 Général Leman street, today Cao Bá Nhạ street, district 1), Nguyễn Hữu Đắc (100 Lục Tỉnh street, today Hùng Vương street, district 6),[128] Lý Trọng Quý. In the end, they reached Lê Văn Trung's house in time to celebrate the new lunar year.

Ngô Văn Chiêu and the pair of mediums (Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư) held a séance at each home. Caodai God bestowed a four-line poem on each house owner, encouraging everyone to try his best to develop the new faith.

The traditional Tết festival ended. On Saturday 20 February 1926 (the ninth of the first lunar month), they held a midnight séance at Vương Quan Kỳ's home. Caodai God bestowed a four-line poem.

Then, Ngô Văn Chiêu begged the Master for a poem containing the given names of all the disciples present at the séance. In turn, the Master included His disciples' names in the second four-line poem as follows:

Chiêu, Kỳ, Trung, Hoài (line 1);
Bản, Sang, Quý, Giảng (line 2);
Hậu, Đức, Tắc, Cư (line 3).

In fact, the poem mentioned twelve names, but the name Sang might refer to both Cao Hoài Sang and Võ Văn Sang. In other words, there were then thirteen Caodaists and Ngô Văn Chiêu was the Eldest Brother, whose name was mentioned first of all.

Stipulated by Caodai legislation, the head of the Church in the administrative aspect is *giáo tông* (pope), who is

[128] Nguyễn Hữu Đắc was a friend of the Cao-Phạm group. Later, he became a follower of a faith named Minh Lý (with headquarters on Cao Thắng street, district 3).

explained as the eldest brother. All disciples are brothers and sisters. Caodai God is the Father or Master.

3. Ngô Văn Chiêu's separation from the exoteric group

When the exoteric group (previoulsy called the Cao-Phạm group) contacted Ngô Văn Chiêu at the end of January 1926, the latter was practising esotericism under the instruction of Caodai God. Therefore, he was not involved in the Cao-Phạm group's exoteric activities. That was why at a new lunar year's eve séance (12 February 1926), Caodai God asked Lê Văn Trung, Vương Quan Kỳ, and Nguyễn Văn Hoài to carry on missionary work on behalf of their eldest brother Ngô Văn Chiêu.

Every Saturday, Ngô Văn Chiêu held a vegetarian party at his lodging (110 Bonard boulevard, Saigon) to treat his brethren who replaced him to disseminate the new faith. Also, he paid for some brothers' new *áo dài* (traditional costume) to help them have neat appearance in their missionary duty.[129]

About three months after Chiêu's union with the exoteric group, there happened important events in preparation for the Caodai Church establishment. Three events related to Ngô Văn Chiêu were as follows:

- *April 1926*: Caodai God instructed Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, and Phạm Công Tắc to inform Ngô Văn Chiêu about having a papal robe made for him (a white one embroidered with the eight hexagrams). Hương Hiếu made the robe according to the design drawn by Caodai God. When the robe was finished, the group would hold a

[129] *Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu*. Saigon: 1962, p. 41.

séance and God would instruct where to fix each hexagram on the robe.

- *Sunday 18 April 1926*: Caodai God instructed Hương Hiếu to make a papal hat (white, 33.30cm high). The following day, she presented Caodai God the first replica papal hat made of paper.

- *Thursday 22 April 1926*: At Cao Quỳnh Cư's home, when presenting Caodai God the second replica papal hat, Hương Hiếu was rather in a hurry. God taught her, "*Well done! But what's the rush? No one wears it!*"

Did God prophesy that Ngô Văn Chiêu would refuse the papacy? Indeed, at that time Chiêu decided to detach himself from the exoteric group. Pursuing a hermit life for six years, he devoted himself to meditation to lay a solid foundation of Caodai esotericism.

Fifty-four years after that séance, on Thursday 13 March 1980, at Minh Đức meditation house in Vũng Tàu, Great immortal Ngô Minh Chiêu explained his refusal: *"But I was sorry I had not achieved internal elixir* [130] *yet; then I dared not accept the papacy our Merciful Father bestowed on me (...)."*

Ngô Văn Chiêu refused the papacy on Saturday 24 April 1926. He also refunded Hương Hiếu the money she had spent on the papal robe and hat.

Despite his refusal, Ngô Văn Chiêu is still respected as the First Caodai Pope.

[130] Internal elixir (*nội đơn đại dược* 內丹大藥 *neidan dayao*) is a Daoist metaphor for the final stage of meditation practice when a successful practitioner has attained to Dao (*đắc đạo* 得道 *dedao*).

IV. HIS LAST SIX YEARS (1927-1932)

Those who chose esotericism gradually gathered around Ngô Minh Chiêu in order to practise meditation under his instruction. A group of followers from Cần Thơ province set up Chiếu Minh séance there. Chiếu Minh gradually turned into an esoteric branch of Caodaism. They established Chiếu Minh cemetery in Cần Thơ in May 1927.

1. His first visit to Bokor mountain

In June 1928, obeying Caodai God's instruction, Ngô Văn Chiêu asked for a six-month leave and paid a visit to Bokor mountain (Cambodia).[131] Accompanied by about thirty followers, he departed on Wednesday 13 June 1928.

A period of time after returning to Saigon office, Chiêu and a group of his followers travelled to six of Cochinchinese provinces. First, they visited Gò Công, Mỹ Tho, Bến Tre; then, Cần Thơ, Sóc Trăng, and Bạc Liêu.

2. His attainment to Dao

On Thursday 03 April 1930, at noon, Ngô Văn Chiêu was physically staying at home (110 Bonard street, Saigon), but his spirit and an immortal named Vân Trung Tử co-bestowed a poem at Hiệp Minh séance (Cái Khế, Cần Thơ province).

This event proved that he had attained Dao in his lifetime. His followers annually celebrate his attainment to Dao on the fifth of the third lunar month.

3. His second visit to Bokor mountain

In December 1932, Ngô Văn Chiêu retired, left for Cần Thơ province, where he stayed at the house of a follower named Lý Trọng Quý, at 39 Nguyễn An Ninh street.

On Wednesday 30 March 1932, he paid a second visit to Bokor mountain. Knowing his intention to pass away there, the accompanying followers persistently begged him to return to Cần Thơ.

He arrived in Cần Thơ on Sunday 10 April 1932 and stayed there until the day he departed this life. He was not willing to dwell in any of the followers' houses that time; thus, they put up a thatched hut (*thảo lư*) not far from Chiếu Minh cemetery, about three kilometres from the city of Cần Thơ.

4. Liberation from body

On Monday morning (18 April 1932), Ngô Văn Chiêu asked his followers to prepare a car for his returning home in Tân An province. After the noon meditation session a medium named Lê Văn Ngưng (1905-1948) carried him on his back to the car.

He sat alone in the back seat. Besides Lê Văn Ngưng and some followers was his fifth daughter (Ngô Thị Nguyệt). During the trip, his complexion gradually turned into saffron colour.

Leaving Cần Thơ ferry, they went to Vĩnh Long province and got on board the Mỹ Thuận ferry. While the ferry was crossing the Tiền Giang river (a branch of the Mekong river, or Cửu Long in Vietnamese, i.e., nine dragons), near midstream, Chiêu quietly left his body at around 3 p.m. His liberation from body in this way tacitly confirmed what Caodai God taught him in mid 1924:

> *Now that Your Master has awarded good marks for your deep merit,*
> *In the future you will ride a dragon back to the*

[131] Bokor (or Tà Lơn, Trà Lơn in Vietnamese) is 1,080 metres high, in Kampot province (or Cần Giọt in Vietnamese).

origin.

As requested by his followers, the ferry returned to the port of departure. On the way back to *thảo lư* (thatched hut), his saffron complexion changed into normal one, and his left eye (yang) still remained lively open while the other one (yin) was tightly closed.

The holy icon of Caodaism is an open left eye – the God's Eye (*Thiên nhãn*). Like the case of Ngô Văn Chiêu, for successful Caodai meditators, the open left eye on departing this life is a mystic proof of their attainment to Dao (*đắc đạo*).

5. Funeral

At *thảo lư* (thatched hut), Chiếu Minh followers found Chiêu's last message in an envelope:

> *That's all! Be consistent, my brethren.*
> *Our Master never forgets me.*
> *I am everlasting. Don't be wordy.*
> *Respectfully yours.*
> *Chiêu, the poor priest.*
> *22 August 31*.

Enclosed was one hundred piasters for his funeral expense. The followers were recommended not to spend more than that sum, and not to accept any offerings.

Obeying his last will, the followers themselves sat the corpse sitting in meditation position in a hexagonal coffin, 0.80 metres in diameter, 1.20 metres high.

They pushed the hearse to Chiếu Minh cemetery, about 200 metres from *thảo lư*. The hexagonal coffin was placed on a built platform, then enclosed with bricks. Finally, the tomb was built in the shape of a three-storied hexagonal tower.

It was a very simple funeral, without music and prayers. During his life-time, Ngô Văn Chiêu said that he prayed for himself every day, that he knew who he was and where he would go after leaving his corporeal body; therefore, it was unnecessary to recite prayers for his soul's salvation.

From near and far, thousands of people poured into Cần Thơ province. Besides the followers, lots of attendants were in his mourning. His funeral was in the news.

According to a message received at a séance held on Friday 03 August 1934 at *thảo lư* (thatched hut, Cần Thơ province), Great immortal Ngô Minh Chiêu is the Second Divine Person.[132]

[132] The Second Divine Person (*Ngôi Hai*) is like the concept of the Trinity in Christianity. In other words, the First Divine Person (*Ngôi Một*) is Caodai God, who is also Father or Master in Caodaism.

Thư tịch / Bibliography

Cao Đài Chiếu Minh, *Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu*. Sài Gòn: 1962.

Cơ quan Phổ thông Giáo lý Đại đạo, *Lịch sử đạo Cao Đài.* Quyển 1, Nxb Tôn giáo, 2005.

Commission française du Guide des Sources de l'Histoire des Nations. *Sources de l'Histoire de l'Asie et de l'Océanie dans les Archives et Bibliothèques françaises.* Part I: Archives. [Ouvrage préparé avec l'aide et sous les auspices de l'Unesco.] München: K.G. Saur, 1981, pp. 538-539.

Đông Hồ, "*Thăm đảo Phú Quốc*", *Nam Phong tạp chí*. Số 124, năm 1927.

Đồng Tân, *Lịch sử Cao Đài.* Quyển I. Sài Gòn, 1967.

Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918*. Hà Nội: Nxb Giáo dục, 1999.

Lê Anh Dũng, *Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn 1920-1926.* Huế: Nxb Thuận hóa, 1996.

Lê Anh Dũng, *Quan thánh xưa và nay.* Hà Nội: Nxb Văn hóa - Thông tin, 1995.

Nguyễn Đình Đầu, "*Giáo dục dưới triều Nguyễn và dưới thời Pháp (1698-1955)*", trong *Địa chí văn hóa thành phố [Sài Gòn]*, tập II: Văn học – Báo chí – Giáo dục. 1998.

Nguyễn Thế Anh, *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ.* Sài Gòn: Trung tâm Sản xuất Học liệu Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, 1974.

Paulus Của, *Sách quan chế.* Sài Gòn: Bản in nhà nước, 1888.

R.B. Smith, *"An introduction to Caodaism", BSOAS.* University of London, Vol. XXXIII, Part 2, 1970.

Vương Hồng Sển, *Hơn nửa đời hư*. Nxb Tp.[Sài Gòn], 1992.

HUỆ KHẢI. Thế danh Lê Anh Dũng. Chào đời tại Chợ Mới, An Giang. Thành viên Cơ quan Phổ thông Giáo lý Đại đạo. Dạy học. Viết báo. Nghiên cứu tôn giáo. Bút danh: **Dũ Lan LÊ ANH DŨNG, NGHÊ DŨ LAN, LÊ KHANG THÌN...**

ĐÃ IN

Dịch & chú giải sách giáo khoa:

A WEEKEND AWAY (1990) • **A WEEK BY THE SEA** (1990) • **HƯỚNG DẪN HỌC ENGLISH 6** (1994)

Dịch & biên khảo:

GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN (dịch chung, 1992) • **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU** (1993, in lại nhiều lần) • **CON ĐƯỜNG TAM GIÁO VIỆT NAM** (1994) • **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY** (1995) • **NÚI CAO BIỂN RỘNG** (dịch, 1995) • **TÌM HIỂU KINH CÚNG TỨ THỜI** (1995) • **LỊCH SỬ ĐẠO CAO ĐÀI THỜI KỲ TIỀM ẨN 1920–1926** (1996) • **BÓNG MÁT YÊU THƯƠNG** (dịch, 1998, in lại nhiều lần) • **CHA VÀ CON** (viết & dịch, 1999, in lại nhiều lần) • **MẸ VÀ CON** (viết & dịch, 1999, in lại nhiều lần) • **THẦY VÀ TRÒ** (viết & dịch, 1999, in lại nhiều lần) • **GỞI LẠI CHO ĐỜI** (dịch, 2000) • **TÂM LÝ NGƯỜI VIỆT NAM NHÌN TỪ NHIỀU GÓC ĐỘ** (viết chung, 2000) • **THẦY TRÒ TRƯỜNG TÔI** (dịch M. Cartwright, 2000) • **ĐỨNG TRƯỚC BẢNG** (dịch LouAnne Johnson, 2001) • **NGUYỄN HIẾN LÊ – CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM** (viết chung, 2003)

HUỆ KHẢI VĂN TẬP (ấn tống)

ĐẤT NAM KỲ TIỀN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI (Cochinchina as a cultural precondition for the foundation of Caodaism, 2008) • **NGÔ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN** (Ngô Văn Chiêu – the first Caodai disciple, 2008)

HUỆ KHẢI Lê Anh Dũng giữ bản quyền
© All rights reserved – 2008

SÁCH ẤN TỐNG – FREE BOOK – NOT FOR SALE